

**DANH MỤC TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN**

<b>TT</b>	<b>TÊN TÀI LIỆU</b>	<b>SỐ HIỆU</b>	<b>SỐ TRANG</b>
1	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025	838/BC-VMC	27
2	Báo cáo công tác quản trị của Hội đồng quản trị và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý năm 2024	839/BC-VMC	05
3	Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	840/BKS-VMC	05
4	Báo cáo của BKS về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị Ban Giám đốc năm 2024; Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024	841/BKS-VMC	12
5	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty	842/BKS-VMC	02
6	Tờ trình đề xuất phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	843/TTr-VMC	01
7	Tờ trình về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Người quản lý Công ty	844/TTr-VMC	03

Số: 838/BC-VMC

Cám Phả, ngày 12 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**  
**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2025**  
**(tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)**

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**  
**ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2024 đã quyết nghị, Công ty đã triển khai đạt được các kết quả như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1.1. Thuận lợi:**

- Về việc làm: Tập đoàn TKV sớm thông qua kế hoạch phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên và kế hoạch đầu tư thiết bị duy trì sản xuất; Các đơn vị thành viên tích cực phối hợp thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh, tạo điều kiện cho Công ty nhận được các thiết bị vào sửa chữa tương đối đều ngay từ đầu năm;

- Sự quan tâm chỉ đạo, phối hợp đồng bộ của Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, và các tổ chức CĐ, ĐTN, Hội CCB đã tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ;

- Công ty đã sớm ban hành các giải pháp chỉ đạo điều hành, các biện pháp tiết kiệm chi phí ngay từ đầu năm để các bộ phận triển khai thực hiện.

**1.2. Khó khăn:**

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề ở nhiều khâu, từ sửa chữa thiết bị đến gia công cơ khí còn thiếu; Thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp; Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào tiếp tục có sự biến động mạnh, khó lường;

- Ảnh hưởng của các cuộc xung đột chiến tranh trên thế giới làm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn tới việc tiến độ cung cấp một số vật tư, phụ tùng phục vụ sản xuất, đặc biệt là công tác SCL thiết bị và một số công trình trọng tâm.

**II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2024**

**2.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2024	TH 2023	TH 2024	So KH 2024 (%)	So cùng kỳ 2023 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.905.000	2.277.530	2.293.304	120,4	100,7
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	565.950	601.786	633.357	111,9	105,2

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2024	TH 2023	TH 2024	So KH 2024 (%)	So cùng kỳ 2023 (%)
3	Quỹ tiền lương	tr.đ	114.593	116.641	136.549	119,2	117,1
4	Lao động bình quân	người	859	856	857	99,8	100,1
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ngt/h	11.117	11.355	13.278	119,4	116,9
6	Lợi nhuận	tr.đ	15.000	15.328	17.075	113,8	111,4

(Số liệu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

### 2.1.2. Về sản phẩm chủ yếu:

\* *Chế tạo thiết bị, phụ tùng:*

Tổng khối lượng chế tạo thiết bị năm 2024 đạt: đạt 843 tấn/KH 900 tấn, bằng 94% KH năm, trong đó:

- Thiết bị ngành than: đạt 78 tấn/700 tấn, bằng 11% KH năm, trong đó: Chế tạo cột chống thủy lực các loại đạt 1.300 cột/KH 6.000 cột, bằng 22% KH năm;

- Chế tạo thiết bị cho ngành khác: đạt 766 tấn/200 tấn, bằng 383% KH năm.

\* *Chế tạo, phục hồi phụ tùng:*

- Chế tạo phụ tùng ngành than: đạt 157 tấn/KH 300 tấn, bằng 52% KH năm;

- Phục hồi phụ tùng: đạt 258 tấn/KH 500 tấn, bằng 52% KH năm;

- Về chế tạo phụ tùng cho ngành khác: đạt 333 tấn/KH 300 tấn, đạt 111% kế hoạch năm.

\* *Sản xuất thép cán và vì chống lò:*

- Sản xuất thép cán: đạt 114.555 tấn/KH 90.000 tấn, bằng 127% KH năm và tăng 4,1% so với năm 2023; trong đó bán ra đạt 58.744 tấn/KH 53.500 tấn, bằng 110% KH năm.

- Chế tạo vì lò: đạt 54.641 tấn/KH 36.000 tấn, bằng 152% KH năm, tăng 22% cùng kỳ 2023.

\* *Sửa chữa thiết bị mỏ:* Tổng số thiết bị sửa chữa hoàn thành trong năm 2024 đạt 55 thiết bị/KH 55 thiết bị, bằng 100% KH đầu năm, bằng 76% so với cùng kỳ năm 2023.

### 2.1.3. Lao động và tiền lương:

Lao động bình quân 857 người/định mức 859 người, bằng 99,8 % KH giao; Tiền lương bình quân đạt 13.278.000 đồng/KH 11.117.000 đồng/người/tháng, đạt 119,4 % KH năm.

## 2.2. Đánh giá thực hiện các mặt công tác:

### 2.2.1. Công tác thị trường, tìm kiếm việc làm:

Trong năm Công ty đã đẩy mạnh công tác phát triển thị trường. Ngoài những công việc đã được chuẩn bị từ năm 2024, Công ty đã tăng cường các biện pháp điều hành quản lý để tăng cường công tác thị trường, đạt được những kết quả khả quan:

- Cơ bản đã bố trí đủ việc làm cho toàn thể người lao động;

- Đã duy trì sản xuất những sản phẩm thế mạnh của Công ty (cán thép, sửa chữa thiết bị mỏ; sản xuất vì chống lò,...vv);

- Đã được nhận thầu, ký kết, thực hiện các hợp đồng một số thiết bị ngoài kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong TKV.

Tuy nhiên, công tác thị trường, tìm kiếm việc làm cũng còn có hạn chế: Chưa có giải pháp hiệu quả để khắc phục giảm thị phần cột chống, giá khung; chưa có thêm công trình dự án lớn để tạo cân đối việc làm trung hạn như các năm trước, ...vv.

### **2.2.2. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:**

Trong năm 2024, công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ: Thường xuyên thực hiện kiểm điểm, đánh giá cụ thể và giải quyết các công việc chậm trễ, tồn đọng, nâng cao hiệu quả các cuộc họp giao ban sản xuất. Từ đó đã thực hiện tương đối tốt về tiến độ, chất lượng sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm trọng tâm: vì chống lò, cán thép lò, sửa chữa thiết bị,...vv.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo điều hành một số hạn chế:

- Tiến độ sửa chữa một số thiết bị mờ bị chậm, làm tăng chi phí đi lại, chi phí vận chuyển, nâng tải, làm giảm hiệu quả sản xuất;
- Công tác điều hành, phối hợp công việc nội bộ có lúc còn lúng túng, đã có những giải pháp quyết liệt nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chưa phân định rõ trách nhiệm khi công việc bị chậm hoặc không đạt kế hoạch điều hành, nhất là trong công tác điều hành vật tư, kỹ thuật.

### **2.2.3. Công tác quản lý chất lượng sản phẩm và các hệ thống quản lý:**

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Chất lượng sản phẩm đã được kiểm soát từ khâu kiểm nhập đầu vào đến quá trình gia công chế tạo, lắp ráp, giám sát thực hiện quy trình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn xảy ra sai hỏng hàng loạt. Về cơ bản chất lượng các sản phẩm truyền thống (thép cán, vì chống lò, sửa chữa thiết bị máy mỏ, các phụ tùng phục vụ sửa chữa lớn thiết bị...) ổn định, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Tiếp tục duy trì hiệu lực Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2015;

- Duy trì tính hiệu lực, tính liên tục Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018, Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

### **2.2.4. Công tác kỹ thuật - công nghệ:**

Trong năm 2024, công tác kỹ thuật đã bám sát vào kế hoạch sản xuất, vừa chuẩn bị kỹ thuật đón đầu các công việc mới, vừa phục vụ đáp ứng yêu cầu trực tiếp của quá trình sản xuất, trong đó:

- Tiếp tục thực hiện “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc”; “Giải pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất để phát huy tối đa năng lực Dây chuyền cán thép vì lò, U, I, L đặc chủng phục vụ khai thác hầm lò” góp phần quan trọng đạt được sản lượng thép SVP năm 2024 đạt trên 110.000 tấn;

- Sử dụng hiệu quả phần mềm thiết kế công nghệ đúc (JSCAST) đã khắc phục các sai hỏng và nâng cao chất lượng sản phẩm đúc;

- Công tác đề tài nghiên cứu khoa học: (i) Đã hoàn thành đề tài “Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống giám sát và bảo vệ động cơ một chiều công suất đến 2.500 kW và đề tài “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo máy đập búa sử dụng trong nhà máy sàng tuyển than có năng suất từ 100 T/h đến 150 T/h”. (ii) Đang phối hợp với chuyên gia tổ chức thực hiện Đề tài cấp TKV năm 2024 “Nghiên cứu thiết kế, lập quy trình công nghệ, chế tạo Máy nắn thẳng thép hình sử dụng trong dây

chuyên Cán thép vì lò, thép hình U, I, L”; (iii) Đối với đề tài cấp TKV năm 2025 đã đề xuất, đăng ký mới 02 đề tài đang chờ TKV phê duyệt.

- Công tác sáng kiến năm 2024: Thẩm định và xét duyệt đạt 61 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi trên 17,4 tỷ đồng, trả thù lao cho các tác giả sáng kiến với số tiền là 958,5 triệu đồng, góp phần tiết kiệm chi phí và đem lại hiệu quả cao trong sản xuất.

#### 2.2.5. Công tác đầu tư xây dựng, quản lý đất đai:

a. Công tác ĐTXD: Công ty đã triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành và hoàn thành các dự án đầu tư theo kế hoạch:

- Dự án chuyển tiếp 2023-2024: Quyết toán dự án hoàn thành;

- Dự án khởi công mới: “Dự án Đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất”:

+ Tổng số các gói thầu thực hiện: 04/04 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch;

+ Tổng giá trị thực hiện đầu tư: 10.148/10.283 (triệu đồng), đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm 2024.

- Việc thanh toán, giải ngân khối lượng hoàn thành được thực hiện kịp thời, đúng tiến độ theo hợp đồng.

b. Công tác quản lý đất đai:

- Hoàn thành thủ tục, hồ sơ thuê đất với UBND tỉnh Quảng Ninh đối với các mảnh đất Công ty đang quản lý, sử dụng;

- Thực hiện công tác quản lý đất đai theo quy định; không vi phạm các quy định trong công tác quản lý đất đai.

#### 2.2.6. Công tác vật tư, kho tàng:

Công tác vật tư trong năm 2024 đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất, công tác cấp phát vật tư đảm bảo đúng thủ tục, nguyên tắc theo quy định. Công tác quản lý, thu hồi, sử dụng, thanh lý phế liệu được thực hiện nghiêm túc theo các quy định của Công ty và các hướng dẫn của TKV.

Kết quả giá trị mua sắm thực hiện năm 2024:

*DVT: tỷ đồng*

Tên vật tư, hàng hóa	Tồn đầu kỳ (31/12/2023)	Nhập kho	Xuất kho	Tồn cuối kỳ (31/12/2024)
<b>Tổng số</b>	<b>146,979</b>	<b>1.940,835</b>	<b>2.017,006</b>	<b>70,808</b>
<b>Vật liệu</b>	<b>146,332</b>	<b>1.854,218</b>	<b>1.930,187</b>	<b>70,363</b>
- Phôi thép	10,543	1.662,314	1.655,604	17,253
- Thép chống lò (mua)	88,463		88,463	
-Thép làm cột chống	2,45	3,624	2,110	3,964
-Vật tư, phụ tùng khác	27,093	164,416	163,506	28,003
-Vật tư, sắt thép phế liệu	17,783	23,864	20,504	21,143
<b>Nhiên liệu</b>	<b>0,647</b>	<b>86,616</b>	<b>86,818</b>	<b>0,445</b>

Trong năm 2024 mặc dù nền kinh tế thế giới và trong nước đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, chiến sự Nga - Ucraina kéo dài dẫn tới chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng, giá phụ tùng, vật tư, nhiên liệu biến động khó lường, song về cơ bản công tác quản lý, mua sắm vật tư vẫn đáp ứng được yêu cầu phục vụ sản xuất. Công tác cấp phát vật tư đúng thủ tục, nguyên tắc, giá trị vật tư tồn kho đảm bảo tỷ lệ theo quy định của TKV (Tổng tỷ lệ tồn kho cuối kỳ so với tổng nhu cầu sử dụng năm 2024 là 3,5%, theo quy định của Tập đoàn TKV là 5%).

### 2.2.7. Công tác cơ điện, THH-TĐH và cung cấp điện, nước:

\* Công tác cơ điện:

- Về giá trị thực hiện sửa chữa các cấp đối với công trình, thiết bị cơ điện:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024		Tỷ lệ % (TH/KH)
				KH	TH	
1	Sửa chữa thường xuyên	Tr. đồng	29.550	23.860	24.567	103
2	Sửa chữa cấp trung tu	Tr. đồng	18.550	16.500	15.051	91

- Sửa chữa thường xuyên: Hoàn thành 100% công trình, thiết bị theo kế hoạch và đáp ứng về thiết bị phục vụ sản xuất;

- Sửa chữa cấp trung tu: Tổ chức thực hiện 19/19 thiết bị, cụ thể:

+ Chuyển tiếp từ năm 2023: Hoàn thành 01/01 thiết bị;

+ Kế hoạch năm 2024: Thực hiện 18/18 thiết bị, đạt 100 % kế hoạch, trong đó: Hoàn thành 16/18 thiết bị; dở dang 02 thiết bị (nghiệm thu, quyết toán đầu năm 2025).

\* Các công ứng dụng THH, TĐH:

- Tiếp tục thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1782/QĐ-VMC ngày 05/7/2019 về Chương trình ứng dụng Tự động hóa, Tin học hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN giai đoạn 2019-2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Năm 2024, hoàn thành được 5/5 công trình theo kế hoạch, giá trị thực hiện 6,67 tỷ đồng.

\* Công tác quản lý năng lượng:

- Thực hiện kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% các thiết bị điện theo kế hoạch; giám sát chặt chẽ các phụ tải có công suất lớn, đảm bảo cung cấp điện an toàn cho sản xuất. Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018 và tiếp tục thực hiện các giải pháp về tiết kiệm điện năng;

- Điện năng sử dụng trong toàn Công ty là 11.553.786/12.122.000 (kWh), tương đương 95% kế hoạch năm; trong đó:

+ Điện năng cho sản xuất: 11.389.731 kWh;

+ Điện cho phụ tải ngoài Công ty (Chi nhánh): 7.512 kWh;

+ Điện cho sinh hoạt: 156.543 kWh;

+ Số giờ mất điện: 87 giờ 54 phút; số lần mất điện: 35 lần (thời gian mất điện dài chủ yếu do ảnh hưởng của Bão số 3).

**\* Công tác cung cấp nước:**

- Nước sạch mua vào, sử dụng 103.748/126.300 (m<sup>3</sup>), tương ứng 82% kế hoạch năm (tiết kiệm do sử dụng từ nguồn nước mưa, nước tuần hoàn);

- Nước sau hệ thống xử lý được sử dụng tuần hoàn: 334.690 m<sup>3</sup>.

**Đánh giá:** Công tác cơ điện, THH-TĐH và quản lý năng lượng cơ bản đã đảm bảo năng lực thiết bị, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất, nâng cấp mức độ tự động hóa thiết bị hiện có; sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng, tiết kiệm chi phí so với kế hoạch.

**2.2.8. Công tác quản lý định mức, lao động, tiền lương:**

**\* Công tác định mức:**

- Đáp ứng được với yêu cầu chung của sản xuất, kịp thời xây dựng các định mức đối với các mặt hàng mới đưa vào sản xuất ở các công trình/dự án tạo điều kiện cho việc thanh quyết toán và trả lương cho NLĐ;

- Rà soát, hiệu chỉnh đơn giá tiền lương, định mức tổng hợp cho các sản phẩm phù hợp với sản xuất, khách quan, minh bạch tạo được sự ổn định cho sản xuất và ổn định tư tưởng cho NLĐ.

**\* Công tác quản lý lao động:**

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra, rà soát lại toàn bộ lực lượng lao động theo từng ngành nghề của các đơn vị trong Công ty để cân đối số lao động cần thiết cho sản xuất. Thực hiện việc điều chuyển, điều động lao động trong nội bộ linh hoạt bảo đảm phục vụ kịp thời cho sản xuất;

- Công tác thống kê, báo cáo nhanh lao động hằng ngày đã phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm Nội quy lao động;

- Tổng hợp lao động tăng, giảm trong năm 2024 như sau:

TT	Danh mục	Lao động đầu năm 2024 (Người)	Lao động đến cuối 2024 (Người)	Lao động tăng, giảm trong năm 2024 (Người)	Tỷ lệ lao động cuối năm 2024 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Lao động quản lý	116	117	+01	13,66
2	Lao động phục vụ, phụ trợ	74	72	-02	8,41
3	Lao động công nghệ	666	668	+24; -40 +18 TV	77,93
	<b>Tổng:</b>	<b>856</b>	<b>857</b>		<b>100</b>

- Kết quả tình giảm lao động: Đã giảm tuyệt đối 02 lao động gián tiếp, phục vụ phụ trợ.

**\* Công tác quản lý, điều hành quỹ tiền lương:**

Công ty đã quản lý tiền lương đúng theo quy chế, quy định đảm bảo tái sản xuất và nâng cao đời sống vật chất cho người lao động (NLĐ), kích thích NLĐ nâng cao năng suất lao động.

Kết quả thực hiện quản lý lao động, tiền lương:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2023	KH - 2024	TH năm 2024	% TH/KH năm 2024	% TH 2024/TH 2023
1	Tổng doanh thu	tr.đồng	2.277.530	1.905.000	2.293.304	120,4	100,7
	Giá trị sản xuất tính lương	"	601.786	565.949	633.356	111,9	105,2
2	Sản lượng than tiêu thụ	1000 tấn					
3	Lao động bình quân	người	856	859	857	99,8	100,1
	Người quản lý	"	6,0	6,00	5,67	94,5	94,5
	Người lao động	"	850	853	851	99,8	100,1
4	Tổng quỹ lương	tr.đồng	116.641	114.593	136.549	119,2	117,1
	Người quản lý	"	2.304	2.433	2.735	112,4	118,7
	Người lao động	"	114.337	112.160	133.814	119,3	117,0
5	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	11.355	11.117	13.278	119,4	116,9
	Người quản lý	"	31.825	33.792	40.271	119,2	126,5
	Người lao động	"	11.210	10.957	13.098	119,5	116,8
6	Năng suất lao động						
	Tính theo giá trị (DT - CP chưa có tiền lương)	Tr.đ/ng/năm	154,2	150,9	179,3	118,8	116,3
	Theo sản lượng (giá trị SX)	Tr.đ/ng/năm	703	659	739	112,1	105,1
7	Lợi nhuận sau khi quyết toán lương	tr.đồng	15.328	15.000	17.074	113,8	111,4

- Tiếp tục duy trì việc trả lương NLD qua KPIs;

- Quá trình điều hành thực hiện quỹ tiền lương đảm bảo bám sát theo kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đúng theo định mức lao động và theo đúng các quy định của Công ty.

*\* Công tác tổ chức cán bộ:*

- Đã xây dựng và ban hành Quy chế Quản lý cán bộ trong Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN (ban hành kèm theo Quyết định số 1000/QĐ-VMC ngày 29/3/2024) với nhiều quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và quy định của TKV về công tác cán bộ;

- Đã xây dựng và ban hành Kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ thuộc diện Công ty quản lý năm 2024 và thực hiện việc luân chuyển, điều động đối với 04 cán bộ;

- Tiếp tục tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ để xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cụ thể: (i) Cán bộ bổ nhiệm mới: 02 người; (ii) Cán bộ bổ nhiệm lại: 15 người;

- Thực hiện quy trình tiếp nhận và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty từ nguồn nhân sự do TKV giới thiệu và quy trình xem xét, bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ theo đúng quy định.

*\* Thực hiện chế độ chính sách với người lao động:*

- Chế độ Bảo hiểm xã hội: Thực hiện nộp đầy đủ BHXH theo quy định; chốt sổ, tham gia BHXH đối với các trường hợp chấm dứt HĐLĐ, tuyển dụng mới đúng quy định và đúng pháp luật.



**Bảng chi tiết thực hiện công tác chế độ năm 2024:**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Bảo hiểm xã hội</b>			
1.1	LĐ tham gia BHXH	Người	734	
1.2	Quỹ lương	Triệu đồng	61.389,26	
1.3	Số phải đóng	Triệu đồng	19.511,808	
<b>2</b>	<b>Giải quyết chế độ</b>			
2.1	Hưu trí	Người	10	
2.2	Tuất	Người	01	
2.3	Ốm đau, thai sản, dưỡng sức			
	Dưỡng sức sau thai sản	Đồng	15.174.000	
		Người	4	
	Ốm đau	Đồng	746.389.000	
		Lượt người	1.103	
	Thai sản	Đồng	296.439.900	
Người		29		
2.4	Hoãn hợp đồng	Lượt người	01	
2.5	Chăm dứt HĐLĐ	Người	22	
	Trợ cấp CDHĐ	Đồng	776.825.000	
2.6	Giải quyết TNLĐ	Người	10	
	Chi trả trợ cấp TNLĐ	Đồng	68.778.280	

- Giải quyết phép năm đầy đủ, cấp phát trang bị BHLĐ kịp thời và đúng tiêu chuẩn, đối tượng;

- Thực hiện việc giải quyết và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, điều dưỡng cho CB, CN, NLĐ đầy đủ cùng kỳ trả lương tháng của Công ty; Chế độ bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng thêm ca cho các đối tượng theo đúng quy định của Công ty;

- Đặc biệt trong năm 2024, Giám đốc và Công đoàn Công ty đã ban hành NQLT số 2793/NQLT-GĐ-CD ngày 12/8/2024 về việc hỗ trợ NLĐ nghỉ chế độ hưu trí trong Công ty, theo đó NLĐ nghỉ hưu tại Công ty từ năm 2024 được Công ty hỗ trợ 10 triệu đồng tiền mặt từ nguồn Quỹ phúc lợi và tặng phẩm do người lao động lựa chọn có giá trị tương đương 10 triệu đồng từ Chi phí sản xuất. Đây là hoạt động đầy ý nghĩa, thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với những đóng góp, cống hiến lâu dài của NLĐ với Công ty, qua đó tiếp tục giữ chân NLĐ, đặc biệt là những NLĐ đang ở độ tuổi cận kề nghỉ hưu theo chế độ, giúp NLĐ yên tâm tiếp tục công tác, tạo điều kiện và môi trường tốt hơn trong công tác đào tạo thợ bậc thấp, thợ mới tuyển dụng, ...vv.

**\* Công tác Y tế:**

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% NLĐ, khám sức khỏe cho NLĐ nặng nhọc, độc hại, nghề có yêu cầu nghiêm ngặt về AT-VSLĐ là 341 người, khám chuyên khoa nữ cho 208 lao động nữ, ...vv; Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ chủ chốt Công ty tại Bệnh viện Hồng Ngọc - Hà Nội; Tổ chức khám sức khỏe cho các đồng chí cán bộ lãnh đạo thuộc diện TKV quản lý tại Bệnh viện Than - Khoáng sản theo đúng kế hoạch;

- Đã kết hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Quảng Ninh về đo kiểm tra môi trường lao động tại các phân xưởng trong Công ty qua đó đề xuất các giải pháp cải tạo đảm bảo môi trường làm việc phù hợp cho người lao động; Tổ chức phun diệt côn trùng, muỗi gián định kỳ để phòng chống các loại dịch bệnh lây lan trong mùa hè;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn VSLĐ, PCCN, kiểm tra thực phẩm tại nhà ăn Công nghiệp theo đúng Thông tư 15/2012/TT-BYT và Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 về việc thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.

*\* Công tác đời sống:*

Năm 2024, Nhà ăn Công nghiệp đã phục vụ ăn công nghiệp, cơm khách, hội nghị đảm bảo an toàn tuyệt đối về an toàn thực phẩm và tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng trang thiết bị, hạch toán chi phí, bố trí hợp lý lao động thực hiện sản xuất kinh doanh, một số kết quả:

- Phục vụ ăn Công nghiệp: 187.279 suất, tổng số tiền 4.307.417.000 đồng;
- Cấp phát độc hại: 1.293.300.500 đồng;
- Phục vụ chanh đường chống nóng: 8.488.000 đồng;
- Phục vụ nước khoáng chống nóng: 177.940.000 đồng;
- Sản xuất và cung cấp nước lọc: 750.000 lít nước lọc đóng bình;
- Cấp phát bồi dưỡng độc hại, chống nóng mùa hè đầy đủ, đúng quy định.

**2.2.9. Công tác tài chính kế toán:**

*\* Tình hình tài chính, công nợ:*

- Công tác thu xếp vốn: Thu xếp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ nhu cầu sản xuất của Công ty (tiền lương, tiền điện, BHXH, các khoản mua vật tư mang tính cấp bách và thanh toán kịp thời các khoản gốc vay ngân hàng đến hạn thanh toán,...);

- Tình hình vay, trả tiền gốc vay ngắn hạn, dài hạn ngân hàng:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Chênh lệch (+,-)
I	Vay ngắn hạn	45,24	328,18	373,42		-45,24
II	Vay dài hạn	34,09	2,82	10,85	26,06	-8,03

- Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Số tiền
<b>I</b>	<b>Các loại thuế</b>	<b>24.433</b>
1	Thuế TNDN	4.964
2	Thuế GTGT	14.669
3	Thuế TNCN	2.157
4	Thuê đất	2.432
5	Thuế môn bài	4
6	Thuế khác	207
<b>II</b>	<b>Bảo hiểm xã hội</b>	<b>19.512</b>

*\* Tình hình thu hồi công nợ:*

Ngay từ đầu năm, Công ty đã luôn quan tâm sát sao đến công tác thu hồi công nợ nên năm 2024 công tác thu hồi công nợ đạt kết quả cao, tình hình tài chính ổn định đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất của Công ty. Trong năm 2024, Công ty thu được: 2.421,6 tỷ đồng/2.517,4 tỷ đồng, đạt 96,2% tổng số nợ phải thu khách hàng.

*\* Tình hình thanh toán cho người bán:*

Trong năm 2024, Công ty trả được 2.146,0 tỷ đồng/2.219,4 tỷ đồng nợ phải trả người bán, đạt 96,7% tổng số nợ phải trả người bán, thực hiện đầy đủ các khoản thanh toán đến hạn, không để quá hạn các khoản phải trả khách hàng trong năm.

*\* Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước tại doanh nghiệp:*

+ Vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 01/01/2024: 66.241 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

Tại ngày 31/12/2024: 68.603 triệu đồng;

Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973,5 triệu đồng.

*\* Tình hình tài chính*

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu so với năm 2023

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ nợ ngắn hạn)	0,91 lần	0,94 lần	
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	0,49 lần	0,58 lần	
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,90 lần	0,91 lần	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,36 lần	9,75 lần	
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,32 lần	3,11 lần	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	0,53%	0,58 %	
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	18,19%	19,4 %	
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	1,76%	1,80 %	
- Tỷ suất Lợi nhuận từ HĐ SXKD/Doanh thu thuần	0,66 %	0,74 %	

**2.2.10. Công tác AT-VSLĐ; An ninh, quân sự quốc phòng; Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ môi trường:**

*\* Công tác AT-VSLĐ, PCCC:*

- Tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho 100% người lao động trong Công ty và người lao động thực hiện việc sửa chữa các thiết bị tại khai trường của các đơn vị; huấn luyện AT-VSLĐ các nhóm cho tổng số 598 lượt người theo quy định;

- Kiểm tra, kiểm định định kỳ 100% thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Kết quả thực hiện AT-VSLĐ: Hoàn thành 5/5 nội dung với giá trị thực hiện 8.302/8.198 (triệu đồng), tương đương 101,3 % kế hoạch năm, cụ thể:

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Tỷ lệ giá trị TH/KH (%)
		Số việc	Giá trị (tr.đồng)	Số việc	Giá trị (tr.đồng)	
1	Kỹ thuật an toàn PCCC	11	1.798	11	1.798	100
2	Biện pháp kỹ thuật VSLĐ, phòng chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động	6	358	6	360	100,5
3	Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân	47	1.040	47	1.115	107
4	Chăm sóc sức khỏe người lao động	10	4.140	10	4.167	101
5	Thông tin tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện AT-VSLĐ	17	862	17	862	100
	<b>Cộng</b>	<b>91</b>	<b>8.198</b>	<b>91</b>	<b>8.302</b>	<b>101,3</b>

- Năm 2024, Công ty không xảy ra TNLĐ nặng, TNLĐ nghiêm trọng, sự cố thiết bị loại I, loại II. Tuy nhiên, còn xảy ra một số vụ TNLĐ nhẹ như vấp ngã, va đập, đứt tay chân,... (nguyên nhân chính do người lao động chủ quan, thiếu quan sát, không tập trung hoặc thực hiện tắt quy trình khi làm việc);

- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng PCCC&CNCH, hoàn thành kế hoạch diễn tập PCCC&CNCH; bảo dưỡng các hệ thống PCCC tự động và trang bị, thay thế các phương tiện PCCC theo kế hoạch. Năm 2024, Công ty không xảy ra sự cố cháy nổ hoặc vi phạm về công tác PCCC.

*\* Công tác an ninh trật tự và an toàn tài sản:*

- Bảo vệ chuyên trách Công ty phối kết hợp với lực lượng bảo vệ Hồng Hà đảm bảo an ninh trật tự và sẵn sàng chiến đấu; Thực hiện tốt Quy định quản lý Khách đến làm việc tại Công ty; Ban hành và thực hiện tốt các Kế hoạch bảo vệ ANTT trong các ngày lễ, Tết, sự kiện của Công ty;

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra thời gian làm việc, sử dụng trang bị bảo hộ lao động, các quy định theo Nội quy lao động tại các chốt bảo vệ. Kiểm tra, giám sát hàng hóa, vật tư, thiết bị, phương tiện vận chuyển ra/vào cổng, cập nhật vào hồ sơ, sổ sách đúng quy định;

- Duy trì công tác tiếp dân theo quy định; các ý kiến, kiến nghị của CB, CN, NLĐ được giải quyết kịp thời, không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

*\* Công tác Quân sự quốc phòng:*

- Ban CHQS Công ty thực hiện tốt các nội dung: (i) Chương trình bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng & An ninh cho các đối tượng theo quy định; (ii) Thực hiện tốt các kế hoạch và chương trình huấn luyện lực lượng tự vệ năm 2024 (giáo án bài giảng về chính trị, quân sự theo kế hoạch của Ban CHQS thành phố);

- Thực hiện tốt Kế hoạch sơ tuyển nghĩa vụ quân sự, thực hiện tốt Lễ giao nhận quân năm 2024 do Ban CQS thành phố Cẩm Phả tổ chức (năm 2024 giao 01 tân binh lên đường nhập ngũ); Công ty hoàn thiện 01 hồ sơ tuyển quân để nhập ngũ năm 2025;

- Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn, huấn luyện quân sự, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng do Tập đoàn, Ban CHQS thành phố triệu tập.

**\* Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và Bảo vệ môi trường:**

- Công tác Phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Ban hành và thực hiện phương án PCTT-TKCN; Tổ chức sửa chữa, chống dột mái nhà xưởng, nạo vét các hồ lắng, khơi thông hệ thống thoát nước trong Công ty; Đo kiểm tra, sửa chữa 956 vị trí tiếp địa thiết bị, chống sét nhà xưởng và kiểm định định kỳ 100% thiết bị điện trước mùa mưa bão. Tổ chức các biện pháp ứng phó và khắc phục nhanh hư hỏng, thiệt hại do Bão số 3 (YAGI) để các đơn vị nhanh chóng trở lại sản xuất bình thường. Giá trị thực hiện 3.475/3.325 (triệu đồng), tương đương 104,5% kế hoạch năm;

**- Công tác Bảo vệ môi trường:**

+ Thực hiện đúng quy định về việc kiểm tra, kiểm soát môi trường lao động; Đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả các công trình môi trường; công tác thu gom, phân loại chất thải tại nguồn và chuyển giao, xử lý được thực hiện theo quy định. Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh của Công ty và Bộ Tiêu chí môi trường “Sáng - Xanh - Sạch” của TKV; Duy trì thực hiện Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và Công cụ quản lý 5S;

+ Kết quả chi phí thực hiện đạt 5.582/5.985 (triệu đồng), tương đương 93,3% kế hoạch (chi phí thực hiện giảm do: Khối lượng chất thải phải xử lý giảm, Chi phí phân định chất thải, hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải,... giảm).

**2.2.11. Công tác quản trị, tiết kiệm chi phí:**

Công tác quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc theo các văn bản chỉ đạo của các cấp. Công ty đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-VMC ngày 02/01/2024 về Kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2024, Quyết định số 1333/QĐ-VMC ngày 23/4/2024 của Giám đốc Công ty về việc ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 nhằm triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, đến tất cả các đơn vị trực thuộc và đến các tổ đội sản xuất, người lao động để thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Từ kết quả tiết kiệm chi phí, đã góp phần giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

**2.2.12. Các công tác khác:**

**\* Công tác xã hội, cộng đồng:**

- Công tác đền ơn đáp nghĩa: (i) Tổ chức gặp mặt kỷ 75 năm Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 đối với NLĐ là con Liệt sĩ đang công tác tại Công ty; (ii) Phối hợp với Hội CCB Công ty tổ chức cho Hội viên Hội CCB và các con của Liệt sĩ đi tham quan, du lịch về nguồn; (iii) Phối hợp tốt với các tổ chức trong Công ty trong việc thực hiện thăm hỏi, động viên, hỗ trợ cho nạn nhân chất độc màu da cam;

- Tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi các gia đình chính sách nhân các ngày Lễ, Tết, ngày Thương binh liệt sĩ 27/7;

- Quan tâm chăm lo các cháu con CB, CN, NLĐ: tặng quà cho các cháu thiếu niên, nhi đồng, các cháu tật nguyền nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Quốc tế thiếu nhi và Trung

thu; Tuyên dương, khen thưởng các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi và thi đỗ Đại học năm học 2023-2024;

- Thường xuyên quan tâm, chăm lo, đóng góp ủng hộ, động viên các gia đình người lao động đặc biệt khó khăn;

- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội khác.

\* *Công tác văn hóa, thể thao:*

Trong năm 2024, hoạt động VHVN, TDTT, tuyên truyền động viên NLĐ của Công ty tiếp tục được duy trì và diễn ra thường xuyên, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần cho NLĐ, mặt khác tạo sự đoàn kết, gắn bó, phối hợp hiệu quả trong công việc. Một số hoạt động tiêu biểu:

- Tổ chức giải cầu lông nhân dịp Kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Công ty (23/7/1968 – 23/7/2024), giải cầu lông truyền thống Công ty năm 2024 chào mừng 88 năm ngày truyền thống công nhân Mỏ, truyền thống ngành than (12/11/1936 – 12/11/2024) thu hút đông đảo và tích cực tham gia của CB, CN, NLĐ trong Công ty; Tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng và các giải thi đấu thể thao của Tập đoàn TKV và của địa phương.

- Thực hiện tốt công tác thi đua - khen thưởng, đảm bảo quyền lợi và tôn vinh NLĐ.

### **III. TÌNH HÌNH XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CÁC NỘI QUY, QUY CHẾ**

#### **3.1. Công tác chỉ đạo:**

- Đảng ủy, HĐQT Công ty đã tập trung chỉ đạo, ban hành các nghị quyết, kết luận, xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện phù hợp với đặc thù sản xuất của Công ty;

- Ban Giám đốc Công ty quan tâm chỉ đạo, các phòng, ban chức năng xây dựng Quy chế, Quy định, Nội quy phù hợp với Công ty cùng sự thay đổi của các văn bản, quy định của Nhà nước, đồng thời phân công cụ thể trách nhiệm của từng đơn vị phụ trách công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc.

#### **3.2. Xây dựng, ban hành văn bản:**

Trong năm 2024, Công ty đã xây dựng, thông qua các cấp có thẩm quyền phê duyệt để ban hành thực hiện trên 4.876 văn bản các loại. Trong đó có các văn bản quan trọng sau:

- Nghị quyết HĐQT: 23 Nghị quyết;

- 01 Nghị quyết của Hội nghị người lao động; 22 Nghị quyết liên tịch giữa chuyên môn với Công đoàn;

- 01 Kế hoạch SXKD năm 2024; 12 Kế hoạch SXKD tháng, quý; 01 giải pháp điều hành thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2024;

- 54 quy định, quy chế về quản lý, quản trị;

- 12 chỉ thị các loại;

- Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 - 2015;

- Thực hiện triển khai xây dựng áp dụng HTQL Môi trường ISO 14001:2015, HTQL Năng lượng ISO 50001:2018 và Công cụ năng suất 5S,...vv.

#### **3.3. Công tác triển khai thực hiện:**

- Trong công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, hoạt động kinh doanh luôn tuân thủ các quy chế, quy định, nội quy, nghị quyết, chỉ thị, qua đó phát triển sản xuất, từng bước cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CB, CN, NLĐ;

- Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn có những hạn chế: Việc tổ chức thực hiện xây dựng, ban hành một số nội quy, quy chế, quy định còn chậm; Việc nắm bắt, thực hiện các nội dung quy định, quy chế tại một số thời điểm chưa kịp thời.

#### IV. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN, LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NLĐ

##### 4.1. Công tác Thi đua - Khen thưởng:

###### a. Các nội dung, mục tiêu thi đua trong năm 2024:

Công tác thi đua đã tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2024 với nhiều hình thức đổi mới, thiết thực. Một số nội dung cụ thể:

- Thi đua hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch tháng, quý, năm;
- Thi đua lao động sản xuất 90 ngày đêm Quý IV năm 2024;
- Thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Thi đua đảm bảo an toàn, giữ vững môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh”;
- Thi đua hưởng ứng Tháng Công nhân;
- Thi đua đạt các danh hiệu: “Người thợ mỏ - Người chiến sỹ”, Cá nhân điển hình tiên tiến, Bàn tay vàng, Kỹ sư giỏi, Chiến sỹ thi đua;
- Thi đua chào mừng Kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Công ty, chào mừng ngày Truyền thống Công nhân Mỏ - Truyền thống ngành Than;
- Thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm, đặc biệt là chào mừng Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (10/10/1994 – 10/10/2024).

###### b. Kết quả thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung, chỉ tiêu thi đua trong Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2024:

- Các danh hiệu thi đua: cụ thể tại mục VI;
- Đã khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích với tổng số tiền thưởng năm 2024: 3.400.500.000 đồng.

##### 4.2. Kỷ luật lao động:

Trong năm 2024 có 09 trường hợp vi phạm được xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm theo đúng Nội quy lao động của Công ty, trong đó hình thức kỷ luật: Sa thải: 08 trường hợp; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng: 01 trường hợp.

#### V. CÔNG TÁC THU, CHI CÁC QUỸ VÀ TRÍCH NỘP BHXH

Năm 2024, Công ty đã thực hiện thu, sử dụng các quỹ theo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Quỹ Hoạt động xã hội	Quỹ Khen thưởng	Quỹ Phúc lợi
1	Năm trước chuyển sang	-174,5	73,6	757,6
2	Thu năm 2024	1.215,0	4.241,3	1.817,7
3	Chi năm 2024	1.035	3.601,1	1.924,0
4	Số dư tại ngày 31/12/2024	4,6	713,8	651,3

Thực hiện việc trích, nộp BHXH, BHYT, BHTN, đúng, đủ với tổng số tiền: 18.969 triệu đồng.

## VI. KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ NLĐ NĂM 2024

Công ty đã thực hiện hoàn thành toàn diện các mặt sản xuất, công tác, mục tiêu Nghị quyết Hội nghị NLĐ năm 2024.

Về chỉ tiêu doanh thu đạt 2.293,304/1.905 tỷ đồng, bằng 120,4% KH.

Các chỉ tiêu khác: Lợi nhuận đạt 17,075/15 tỷ đồng, bằng 113,8% KH; Nộp ngân sách nhà nước theo quy định với giá trị 24,433 tỷ đồng; Tiền lương bình quân đạt 13.277.765 đồng/người/tháng, bằng 119,4 KH.

Thực hiện tốt công tác An toàn - VSLĐ, PCCN và bảo vệ môi trường với mục tiêu “**An toàn - Đoàn kết - Phát triển - Hiệu quả**”; Đẩy mạnh các hoạt động VHHT trong CNVC - LĐ tạo khí thế thi đua sôi nổi, không ngừng nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho NLĐ.

\* Kết quả công thực hiện công tác Thi đua - Khen thưởng theo nội dung Kế hoạch liên tịch phát động thi đua năm 2024, cụ thể như sau:

- Công tác sáng kiến đạt 61/70 chỉ tiêu sáng kiến, đạt 87%;
- Đơn vị về trước kế hoạch đạt 2/3 đơn vị, đạt 67%;
- Tổ đội về trước kế hoạch đạt 23/25 tổ, đạt 92%;
- Tổ lao động tiên tiến đạt 59/60 tổ, đạt tỷ lệ 98,4%;
- Tổ đội lao động xuất sắc đạt 40/40 tổ, đạt 100%;
- Cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến đạt 664/730 tổng số lao động, chiếm tỷ lệ 91%, vượt 11% so với kế hoạch;

- Chiến sĩ thi đua cơ sở đạt 107/105 người, đạt 102%;
- Kỹ sư giỏi đạt 6/6 người, đạt 100%;
- Công nhân đạt danh hiệu bàn tay vàng đạt 72/75 người, đạt 96%;

\* Công ty đang đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua:

- Cờ thi đua của Ủy ban QLV cho Công ty;
- Bằng khen Ủy ban QLV: 02 đơn vị, 18 người;
- Bằng khen Thủ tướng chính phủ: 01 đơn vị, 01 người;
- Thợ mỏ sáng tạo: 08 người;
- Bằng lao động sáng tạo: 02 người;
- Bằng khen của TKV: 10 người.
- Đảng bộ Công ty đạt danh hiệu Đảng bộ cơ sở bốn tốt tiêu biểu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024;

- Công đoàn Công ty: (i) Nhận Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam là Công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2024; (ii) Nhận Bằng khen của Tổng Liên đoàn lao động Tỉnh Quảng Ninh là Công đoàn cơ sở đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Kỷ luật và Đồng tâm, lao động sáng tạo, xây dựng Quảng Ninh giàu đẹp, văn minh, hiện đại năm 2024; (iii) Chứng nhận của Công đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam là Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024;

- Đoàn thanh niên Công ty: (i) Nhận Bằng khen của Tỉnh đoàn Quảng Ninh là đơn vị có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi năm 2024; (ii) Nhận Giấy khen của Đoàn Than Quảng Ninh là Đơn vị có thành tích xuất sắc,



tiêu biểu công tác Đoàn và phong trào Thanh niên năm 2024: (ii) Nhận Giấy khen của Đoàn Than Quảng Ninh là đơn vị có thành tích tiêu biểu trong công tác vệ sinh môi trường nơi làm việc, nhà điều hành và khai trường sản xuất giai đoạn 2023-2024;

- Hội CCB Công ty nhận Giấy khen của Hội CCB thành phố Cẩm Phả vì đã có thành tích trong phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” năm 2024.

## VII. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2024, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD, do đó thực hiện đạt vượt mức, đồng bộ các chỉ tiêu, ổn định việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, tạo được sự tin tưởng, sự đồng thuận cao của NLĐ.

## PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2025

### I. TÌNH HÌNH CHUNG

#### 1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

##### 1.1. Thuận lợi:

- Sự quan tâm, chỉ đạo của TKV, của Đảng ủy Than Quảng Ninh đối với các đơn vị cơ khí nói chung, với Công ty nói riêng;

- Tinh thần đoàn kết, đổi mới, dân chủ, công khai, minh bạch tạo động lực và phát huy tinh thần lao động nhiệt tình, sáng tạo của người lao động; Các mặt quản lý, ý thức, năng lực trình độ của CBCN, người lao động ngày càng nâng cao;

- Kết quả thực hiện đồng bộ, hiệu quả năm 2024, tạo điều kiện, tiền đề thuận lợi cho việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm 2025.

##### 1.2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có những biến động khó lường, xung đột chiến tranh trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp làm đứt gãy chuỗi cung ứng một số mặt hàng thiết yếu cho SXKD, ảnh hưởng đến các hoạt động trong đó có hoạt động SXKD; Cạnh tranh trong thị trường ngành cơ khí diễn ra gay gắt;

- Nguồn nhân lực trình độ cao, lành nghề còn thiếu;

- Thiết bị của Công ty chưa đồng bộ, mức độ tự động hóa chưa cao.

### II. CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

#### 2.1. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ;

- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và nâng cao trình độ quản lý, sắp xếp tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất; thực hiện bảo vệ môi trường; Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới tiên tiến hiện đại; Thực hiện đề án chuyển đổi số và liên thông các cơ sở dữ liệu trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, điều hành; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho

người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề, ...vv.

## 2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu: 2.000 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.978,25 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 2.000 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 571,233 tỷ đồng; Điều hành KH đạt trên 580 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 17 tỷ đồng; Tỷ lệ lợi nhuận/VCSH: 36%;
- Lao động bình quân theo định mức: 856 người;
- Tiền lương bình quân: 12,451 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức:  $\geq 10\%$ ;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13.940 triệu đồng;
- Bảo toàn và phát triển vốn;
- Các chỉ tiêu khác: Theo Phụ lục 03 đính kèm.

## III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2025

### 1. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

#### - Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển: Duy trì việc chế tạo phụ tùng, thiết bị; ưu tiên nguồn lực để thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định; Chủ động liên hệ với các đơn vị chủ thiết bị để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị. Chủ động tiếp cận các dự án mở rộng khai thác than trong năm 2025 của TKV để có định hướng về chế tạo, phục hồi các thiết bị, hệ thống sàng tuyển, băng tải, v.v;

+ Các đơn vị khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vi chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò. Triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất cột chống thủy lực, trong đó chủ động để nắm bắt, làm tốt công tác chuẩn bị về nhu cầu, chủng loại đồng thời nghiên cứu, hợp tác đổi mới công nghệ mạ các loại cột chống để tăng sản lượng tiêu thụ. Làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất, phối hợp với các đơn vị hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, thanh quyết toán đáp ứng nhu cầu sử dụng thép lò, vi chống lò khi có sự thay đổi về cơ chế điều hành, v.v;

+ Các đơn vị kho vận, chế biến than: Bám sát việc nâng cấp, mở rộng các kho cảng, bến bãi phục vụ công tác xuất, nhập khẩu than của các đơn vị trong TKV để tham gia cung cấp các dịch vụ về cơ khí.

#### - Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Chủ động tiếp cận, khảo sát, đánh giá hoạt động sản xuất tại các đơn vị trong và ngoài TKV để nắm bắt về công nghệ sản xuất từ đó có kế hoạch khai thác tốt việc làm cho hoạt động sản xuất cơ khí của Công ty;

+ Chủ động nghiên cứu, tích cực tham gia các dự án trong TKV, đặc biệt các gói thầu EPC; mở rộng cung cấp phụ tùng cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các đơn vị trong và ngoài TKV để đấu thầu các dự án lớn, các gói thầu EPC, tập trung vào các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, nhiệt điện, chế biến, vận chuyển than;

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản; Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, tập trung hoàn thành tốt các hợp đồng của Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường trong việc cung cấp các loại phụ tùng.

**- Thị trường trong tỉnh Quảng Ninh:**

Tăng cường khai thác thị trường, đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm cơ khí trong tỉnh Quảng Ninh; Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng tỉnh Quảng Ninh về phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 01/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 04/01/2021 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/11/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh, để nắm bắt các chủ trương, định hướng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển công nghiệp chế biến chế tạo trên địa bàn Tỉnh;

Thực hiện nghiêm sự phối hợp ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ trong ngành theo kế hoạch PHKD, hưởng ứng tích cực Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” tăng cường công tác khai thác thị trường, tiếp thị để nắm bắt các cơ hội tiêu thụ, phát triển sản phẩm cơ khí trong nước.

**- Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.**

**2. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực:**

- Công tác tuyển dụng: Xây dựng các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó tiếp tục ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị;

**- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực:**

+ Đối với cán bộ quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong Công ty; Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 1000/QĐ-VMC ngày 29/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty;

+ Đối với công nhân lao động: Đào tạo kèm cặp, hướng dẫn nâng cao tay nghề cho công nhân mới tuyển dụng, đồng thời kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc; Tập trung đào tạo để cấp chứng chỉ hành nghề cho nguồn nhân lực chủ chốt đáp ứng yêu cầu tham dự đấu thầu và thực hiện các gói thầu; Phối hợp với các nhà cung cấp thiết bị để mở các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ kỹ thuật, công nhân về công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, sửa chữa hiệu chỉnh các máy CNC mới đầu tư;

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm nâng cao ý thức thực thi pháp luật; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Xây dựng chế độ tiền lương phù hợp để sử dụng lại các lao động có tay nghề cao đã nghỉ hưu ký hợp đồng thời vụ khi có nhu cầu. Đổi mới nâng cao chất lượng nhân sự trong các lĩnh vực quản lý, đồng thời bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên;

- Tiếp tục triển khai thực hiện việc đánh giá chất lượng hiệu quả công việc bằng Hệ thống quản trị KPIs đối với từng vị trí trong diện lao động quản lý theo định biên; Đổi mới quản trị doanh nghiệp, triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án tái cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng chính phủ.

### **3. Nhóm giải pháp về kỹ thuật - công nghệ, thiết bị, môi trường:**

- Tiếp tục thực hiện chương trình Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa, chương trình đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; Khai thác một cách hiệu quả các giải pháp THH-TĐH đã triển khai (phần mềm thiết kế công nghệ đúc JSCAST, phần mềm quản lý nhân lực, phần mềm quản lý vật tư; các thiết bị CNC; sửa chữa nâng cấp hệ thống điện bằng hệ thống điều khiển bằng PLC, lắp đặt thêm hệ thống hiển thị số, v.v). Khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị đã được đầu tư;

- Công tác công nghệ sản xuất: Rà soát, hoàn thiện, ban hành bổ sung đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Chuẩn bị đầy đủ dao cụ, đồ gá để khai thác tối đa năng lực các thiết bị đã đầu tư. Nâng cao chất lượng giám định, chuẩn bị kỹ thuật đối với công tác sửa chữa lớn. Tiếp tục đầu tư trang bị, kết hợp đào tạo để sử dụng có hiệu quả các phần mềm thiết kế, đào tạo cán bộ kỹ thuật, công nhân để từng bước làm chủ công nghệ sửa chữa, hiệu chỉnh thiết bị thủy lực, điện tử, ...vv;

- Triển khai quyết liệt việc chuyển đổi số theo Kế hoạch số 2768/KH-VMC ngày 30/8/2024 của Giám đốc Công ty về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN giai đoạn 2024 – 2025, tiến tới chuyển đổi hầu hết các hoạt động của Công ty trên nền tảng số, tận dụng sức mạnh của công nghệ số, dữ liệu số để gia tăng hiệu quả hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, ...vv;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Chủ động, tăng cường hợp tác nghiên cứu, thiết kế mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Nghiên cứu thiết kế, sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt ưu tiên trong lĩnh vực khai thác hầm lò, sàng tuyển than. Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện QTCN mạ để nâng cao chất lượng chế tạo các loại cột chống thủy lực; Tiếp tục thực hiện xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, tiến tới đăng ký bảo hộ độc quyền một số sản phẩm. Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Nghiên cứu phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty; Thực hiện tốt các đề tài, dự án khoa học công nghệ. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng và các tiểu ban sáng kiến (chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, ...vv);

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 trong quản lý chất lượng;

- Công tác cơ điện và năng lượng: Thực hiện đúng chế độ, quy trình sửa chữa, bảo dưỡng; Nâng cao chất lượng sửa chữa; Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm; Chủ động dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (Dây chuyền cán thép, chế tạo cột

chống, chế tạo vì lò, các máy công cụ đặc chủng, v.v); Hợp tác với các đơn vị ngoài để chủ động bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị một cách kịp thời. Áp dụng trong toàn Công ty Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018;

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật về BVMT, thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, mở rộng phạm vi áp dụng trong toàn Công ty; Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, thực hiện công cụ 5S ở tất cả các đơn vị trong Công ty; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán, PX Đúc, ...vv).

#### **4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý - điều hành:**

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa các tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “chỉ bàn làm, không bàn lùi”, “không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm”. Phát huy truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” quyết tâm vượt khó, thích ứng linh hoạt, ổn định sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức và toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2025;

- Đẩy mạnh công tác pháp chế doanh nghiệp, quản trị rủi ro, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người lao động nhằm tăng cường ý thức thực thi pháp luật và đảm bảo các hoạt động SXKD theo quy định của pháp luật. Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định một cách kịp thời làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý; Kiên quyết xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm nội quy lao động tại Công ty;

- Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để ra sai phạm hoặc vi phạm pháp luật; gắn công tác kiểm tra, giám sát với công tác hướng dẫn, hỗ trợ. Đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo an ninh trật tự trong việc quản lý, mua sắm, cấp phát, sử dụng vật tư, quản lý kho tàng, thu hồi phế liệu, ...vv;

- Thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua việc xác định cụ thể giá trị tiết kiệm theo chi phí khoán quản trị đã được ban hành.

#### **5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động:**

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty;

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại;

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh; Tiếp tục hỗ trợ, tổ chức cho người lao động đi thăm quan, nghỉ điều dưỡng phù hợp với khả năng tài chính của Công ty;

- Tiếp tục phát tinh thần vượt khó, chung lòng, chung sức, truyền thống kỷ luật và đồng tâm, từ trí sáng tạo và bàn tay tài hoa của người thợ cơ khí để xây dựng Công ty phát triển bền vững.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 2025, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và HĐQT Công ty, các tổ chức, đơn vị trong Công ty cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và các đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp chi tiết triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 nhằm phát huy tối đa sức mạnh của cả hệ thống chính trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống Công ty, thực hiện thắng lợi và toàn diện kế hoạch năm 2025 với mục tiêu “AN TOÀN - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN - HIỆU QUẢ”.

Các tổ chức, đơn vị trong Công ty đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn, trao đổi đến người lao động để mọi người hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, phối hợp thực hiện đạt hiệu quả cao trong tất cả các mặt sản xuất, công tác./.

#### Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV (e-copy, b/c);
- Đảng ủy, HĐQT (e-copy, b/c);
- Ban KS, Ban GD, CĐ (e-copy);
- Các cổ đông Công ty (e-copy);
- Các tổ chức, đơn vị trong Công ty (e-copy);
- Lưu: TC-HC, KH-VT, VT.

GIÁM ĐỐC



*Phạm Minh Tuấn*

## PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHKD NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	So sánh (%)	
						So với KH năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023
1	2	3	4	8	9	10=8/9	11=8/4
<b>I</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>						
<b>1</b>	<b>Chế tạo thiết bị</b>	tấn	<b>900</b>	<b>843</b>	<b>354</b>	<b>94</b>	<b>239</b>
1.1	Thiết bị ngành than	tấn	700	78	331	11	22
	Trong đó:						
	- Máy xúc VMC 500	máy	2				-
	- Cột chống thủy lực	cột	6.000	1.300	5.118	22	25
	- Chế tạo xe gòong các loại	xe	50	-	23	0	-
1.2	Thiết bị ngành khác	tấn	200	765	23	383	3.326
<b>2</b>	<b>Chế tạo, phục hồi phụ tùng</b>		<b>1.100</b>	<b>748</b>	<b>616</b>	<b>68</b>	<b>121</b>
2.1	Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	300	157	261	52	60
2.2	Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	300	333	67	111	499
2.3	Phục hồi phụ tùng	tấn	500	258	287	52	90
<b>3</b>	<b>Sản xuất vì chống lò, thép cán</b>						
3.1	Sản xuất vì chống lò	tấn	36.000	54.641	44.619	152	122
3.2	Thép chống lò	tấn	90.000	114.555	110.086	127	104
	Tr.đó: bán trong than		53.500	58.744	67.341	110	87
<b>4</b>	<b>Sửa chữa thiết bị xe máy</b>		<b>55</b>	<b>55</b>	<b>72</b>	<b>100</b>	<b>76</b>
4.2	Xe gạt D85A, khác	cái	6	3	5	50	60
4.3	Máy xúc EKG 5A, EKG 4,6, 8u	cái	5	3	7	60	43
4.4	Máy xúc nhỏ	cái	8	5	12	63	42
4.5	Máy khoan xoay cầu CBIII	cái	5	3	6	60	50
4.6	Máy khoan các loại	cái	1	2	2	200	100
4.7	Xe máy, các thiết bị khác	cái	30	39	40	130	98
<b>5</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh khác</b>	tr.đ	<b>10.250</b>	<b>82.156</b>	<b>49.636</b>	<b>764</b>	<b>166</b>
	Sản xuất vật liệu xây dựng	tr.đ	-				
	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	9.000	81.100	48.434	854	167
	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.250	1.056	1.202	85	88
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	tr.đ	<b>1.905.000</b>	<b>2.293.304</b>	<b>2.277.530</b>	<b>120,4</b>	<b>100,7</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu sản xuất cơ khí</b>	tr.đ	<b>1.894.250</b>	<b>2.210.525</b>	<b>2.227.195</b>	<b>116,7</b>	<b>99,3</b>
	Bán trong ngành than	tr.đ	1.844.250	2.169.353	2.215.539	118	98

1	2	3	4	8	9	10=8/9	11=8/4
	Bán ngoài ngành than	tr.đ	50.000	41.172	11.656	82	353
<b>2</b>	<b>Doanh thu sản xuất và dịch vụ #</b>	tr.đ	<b>10.250</b>	<b>82.156</b>	<b>48.937</b>	<b>792</b>	<b>166</b>
1	XDCB tự làm và vật liệu xây dựng	tr.đ	-	-	-		
2	Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	9.000	81.100	48.434	854	167
3	Sản xuất ô xy, Ni tơ	tr.đ	1.250	1.056	1.202	85	88
<b>3</b>	<b>Doanh thu tài chính, khác</b>	tr.đ	<b>500</b>	<b>623</b>	<b>699</b>	<b>125</b>	<b>89</b>
<b>III</b>	<b>Giá vốn</b>	tr.đ	<b>1.338.550</b>	<b>1.659.948</b>	<b>1.674.345</b>	<b>124</b>	<b>99</b>
1	Giá vốn phối thép và thép chống lò	tr.đ	1.330.000	1.586.004	1.626.909	119	98
2	Giá vốn kinh doanh vật tư, thiết bị.	tr.đ	8.550	73.944	47.436	819	156
<b>IV</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	tr.đ	<b>565.950</b>	<b>633.357</b>	<b>601.786</b>	<b>112</b>	<b>105</b>
1	Sản xuất cơ khí (không bao gồm giá trị thép lò)	tr.đ	564.270	625.145	599.586	111	104
2	Sản xuất và dịch vụ khác	tr.đ	1.680	8.212	2.200	489	373
	+ Sản xuất VLXD	tr.đ	-	-	-		
	+ Kinh doanh vật tư, thiết bị	tr.đ	430	7.156	998	1.664	717
	+ Sản xuất ô xy, ni tơ	tr.đ	1.250	1.056	1.202	85	88
<b>V</b>	<b>Tổng chi phí sản xuất trong kỳ</b>	tr.đ	<b>1.890.000</b>	<b>2.276.230</b>	<b>2.262.202</b>	<b>120</b>	<b>100</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí trung gian</b>	tr.đ	<b>1.736.078</b>	<b>2.085.540</b>	<b>2.101.672</b>	<b>120</b>	<b>99</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị gia tăng</b>	tr.đ	<b>153.922</b>	<b>190.690</b>	<b>160.529</b>	<b>124</b>	<b>119</b>
2.1	Tiền lương	tr.đ	114.593	136.549	116.641	119	117
	<i>Trong đó: Quỹ lương VCQL</i>	tr.đ	2.434	2.735	2.304	112	119
2.2	Bảo hiểm xã hội, y tế, BHTN, KPCĐ	tr.đ	15.841	15.101	14.219	95	106
2.3	KHTSCĐ	tr.đ	23.488	39.040	29.669	166	132
<b>3</b>	<b>Kết chuyển CP dở dang trong kỳ</b>	tr.đ					
<b>4</b>	<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>	tr.đ					
<b>VI</b>	<b>Lợi nhuận</b>	tr.đ	<b>15.000</b>	<b>17.075</b>	<b>15.328</b>	<b>114</b>	<b>111</b>
<b>VII</b>	<b>Các chỉ tiêu về lao động tiền lương</b>						
1	Đơn giá tiền lương (đ/1000 đ giá trị SX)		198	211,3	190	107	111
2	Lao động bình quân theo định mức	Người	859	857	856	99,8	100
3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/thg	11.117	13.278	11.354	119,4	117
	<i>Trong đó: Tiền lương BQ NLD</i>	1000đ/ng/thg		13.098	11.199		117
	<i>Tiền lương BQ VCQL</i>	1000đ/ng/thg		40.231	32.000		126



**Phụ lục 02**  
**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TÁC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH NĂM 2024**

*Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>614.489.166.435</b>	<b>538.525.318.762</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.620.885.084	6.163.529.636
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	363.761.526.909	272.821.262.851
III. Hàng tồn kho	234.227.186.860	245.015.236.228
IV. Tài sản ngắn hạn khác	8.879.567.582	14.525.290.047
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>122.981.997.315</b>	<b>147.743.208.017</b>
I. Tài sản cố định	98.024.921.056	128.247.642.817
II. Tài sản dài hạn khác	24.838.729.883	19.495.565.200
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>737.471.163.750</b>	<b>686.268.526.779</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>668.868.032.871</b>	<b>619.693.748.309</b>
I. Nợ ngắn hạn	651.653.926.471	594.416.285.338
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	561.834.536.614	489.250.666.477
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.807.613.291	1.614.677.929
3. Phải trả người lao động	38.588.784.778	37.178.193.232
4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.851.160.800	56.085.324.978
5. Dự phòng phải trả ngắn hạn	35.443.667.245	3.827.285.753
6. Phải trả ngắn hạn khác	2.128.163.743	6.460.136.969
II. Nợ dài hạn	<b>17.214.106.400</b>	<b>25.277.462.971</b>
Trong đó		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17.214.106.400	23.246.643.200
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	1.480.000.000
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>68.603.130.879</b>	<b>66.574.778.470</b>
I. Vốn chủ sở hữu	<b>68.603.130.879</b>	<b>66.241.370.975</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	6.583.273.841	5.480.152.203
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.046.347.038	13.787.708.772
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		<b>333.407.495</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>737.471.163.750</b>	<b>686.268.526.779</b>

## Phụ lục 03: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU HIỆN VẬT</b>	-		
<b>1</b>	<b>Sửa chữa thiết bị xe máy</b>	<b>TB</b>	<b>53</b>	
1.1	Máy khoan điện + Máy khoan thủy lực	máy	8	
1.2	Máy xúc nhỏ + máy xúc trong lò	máy	5	
1.3	Máy xúc gầu > 4m3	máy	6	
1.4	Máy gạt, máy san đường	xe	4	
1.5	Sửa chữa thiết bị sàng tuyển, thiết bị khác	T.bị	30	
<b>2</b>	<b>Sản phẩm cơ khí chủ yếu</b>		-	
2.1	Sản xuất vì lò, thép cán		-	
	- Sản xuất thép vì lò	tấn	100.000	
	- Chế tạo vì chống lò	tấn	45.000	
	- Thép vì lò bán ra	tấn	52.000	
2.2	Cột chống thủy lực các loại	cột	5.000	
2.3	Chế tạo và phục hồi phụ tùng ngành than và ngành khác	tấn	<b>850</b>	
	- Chế tạo phụ tùng ngành than	tấn	250	
	- Chế tạo phụ tùng ngành khác	tấn	300	
	- Phục hồi TB phụ tùng	tấn	300	
<b>3</b>	<b>Chế tạo thiết bị phục vụ ngành than và ngành khác</b>	tấn	<b>500</b>	
	- Chế tạo thiết bị ngành than	tấn	200	
	+ Máy xúc đá VMC E500-1	máy	1	
	+ Xe goòng các loại	xe	50	
	- Chế tạo thiết bị ngành khác	tấn	300	
<b>4</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh khác</b>	<b>tr.đ</b>	<b>21.250</b>	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	tr.đ	1.250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	

<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ</b>			
<b>1</b>	<b>Doanh thu tổng số</b>	tr.đ	<b>2.000.000</b>	
1.1	Doanh thu sản xuất sản phẩm cơ khí	tr.đ	1.978.250	
1.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	21.250	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	
	- Kinh doanh vật tư thiết bị	Tr.đ	20.000	
1.3	Doanh thu hoạt động TC & khác	tr.đ	500	
<b>2</b>	<b>Giá vốn</b>	tr.đ	<b>1.428.267</b>	
	- Giá vốn phi thép cán	tr.đ	1.409.867	
	- Giá vốn KD vật tư, thiết bị và hoạt động tài chính	tr.đ	18.400	
<b>3</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	tr.đ	<b>571.233</b>	
3.1	Giá trị sản xuất cơ khí	tr.đ	568.383	
3.2	Doanh thu SX và kinh doanh khác	tr.đ	2.850	
	- Sản xuất Ôxy - ni tơ	Tr.đ	1.250	
	- Sản xuất, dịch vụ khác	tr.đ	1.600	
<b>4</b>	<b>Tổng chi phí theo yếu tố</b>	tr.đ	<b>1.983.000</b>	
	- Vật liệu		1.579.462	
	- Nhiên Liệu		102.560	
	- Động lực		23.641	
	- Tiền lương	tr.đ	127.893	
	Trong đó: VCQL	tr.đ	2.793	
	- Bảo hiểm XH, YT, CD, TN	tr.đ	17.425	
	- Khấu hao tài sản	tr.đ	21.539	
	- Chi khác	tr.đ	91.783	
	- Thuê ngoài	tr.đ	20.291	
	- Chênh lệch đầu cuối kỳ tồn kho	tr.đ	-10.000	
	- Chi phí tài chính + khác	tr.đ	8.416	
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận</b>	tr.đ	<b>17.000</b>	

<b>6</b>	<b>Vốn đầu tư XD CB</b>	tr.đ	<b>11.058</b>	
	- Khấu hao	tr.đ	4.837	
	- Vốn ngân sách	tr.đ	-	
	- Vốn vay	tr.đ	6.221	
<b>7</b>	<b>Lao động - Tiền lương</b>			
7.1	Lao động bình quân	người	856	
	<i>Trong đó (VCQL)</i>	<i>người</i>	<i>7,0</i>	
7.2	Tổng quỹ tiền lương	tr.đ/ng/năm	127.893	
	- Tiền lương chi từ Tập đoàn (nếu có)			
	- Tiền lương hoạch toán vào chi phí		127.893	
	+ Người lao động		125.100	
	+ Viên chức quản lý		2.793	
7.3	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	12.451	
	+ Người lao động	1000đ/ng/th	12.279	
	+ Viên chức quản lý	1000đ/ng/th	33.252	
<b>8</b>	<b>Nhu cầu vốn lưu động</b>	tr.đ	<b>105.926</b>	
	- Vốn ngân sách và tự có	tr.đ	-	
	* Vòng quay vốn lưu động	Vòng/năm	3,5	
<b>9</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	tr.đ	<b>29.176</b>	
	- Thuế GTGT phải nộp	tr.đ	22.080	
	- Thu nhập cá nhân	tr.đ	1.000	
	- Thuế đất	tr.đ	2.772	
	- Thuế môn bài	tr.đ	4	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	tr.đ	3.320	

C.P. \* H.

Số: 839/BC-VMC

Cảm Phá, ngày 12 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**VÀ VIỆC GIÁM SÁT GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông 2025 về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024**

**1. Nhân sự Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên, năm 2024 không có thay đổi về nhân sự, cụ thể như sau:

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - GD Công ty	Kiểm nhiệm
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT - PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
4	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT - PGĐ Công ty	Kiểm nhiệm
5	Phạm Thu Hương	Thành viên HĐQT	Chuyên trách

HĐQT đã xây dựng Quy chế hoạt động, các thành viên đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình tại Quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/4/2023.

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

**2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

Năm 2024, HĐQT Công ty đã họp 16 phiên bằng hình thức họp trực tiếp đã thông qua và ban hành 16 Nghị quyết, 03 Quy chế, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với yêu cầu thực tế của sản xuất và tình hình quản lý tại Công ty, nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024;

HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ và báo cáo khi có yêu cầu của Chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thực hiện công bố thông tin đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch.

Năm 2024, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

## 2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2024 đề ra.

Kết quả SXKD năm 2024 được thể hiện qua một số các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	KH 2024	TH 2024	So sánh cùng kỳ 2023	So sánh KH 2024
1	Doanh thu	Tr.đ	2.277.530	1.905.000	2.293.304	100,7	120,4
2	Giá trị sản xuất	Tr.đ	601.786	565.949	633.357	105,2	111,9
3	Tổng quỹ lương	Tr.đ	116.641	114.593	136.548	117,1	119,2
4	Lao động bình quân	người	856	859	857	100,1	99,8
5	Tiền lương bình quân	Ngh.đ/ ng/tháng	11.355	11.117	13.277	116,9	119,4
6	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	15.328	15.000	17.074	111,4	113,8
7	Cổ tức	%	10	≥ 10	≥ 10		
8	Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	23,123	10.283 (KH điều chỉnh TKV)	10.148	43,88	98,68

## 2.3. Về sử dụng vốn và thực hiện các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	78,47	83,32
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	21,53	16,68
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90,3	90,7
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	9,65	9,3
	- Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu	lần	9,36	9,75
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Hệ số khả năng thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	0,49	0,58
	- Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	lần	0,91	0,94
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,52	0,58
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	18,19	19,4
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,76	1,8

Trong năm 2024, tình hình tài chính được cải thiện rất nhiều so với năm 2023, Công ty vẫn luôn bảo đảm nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,.. thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất,... hoàn thành toàn diện và vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư duy trì sản xuất.

#### **2.4. Về công tác tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực:**

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Hồng Thịnh và quyết định thôi giữ nhiệm vụ Phụ trách phòng KT-TC đối với ông Vũ Văn Khu.

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ theo quy chế ban hành và bổ nhiệm lại các chức danh Trưởng phòng, Quản đốc đúng thời hạn.

+ Xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2024 tập trung chỉ đạo: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, đào tạo cập nhật kiến thức về đầu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

#### **2.5. Về công tác đầu tư xây dựng:**

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, năm 2024 Công ty đã hoàn thành và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng:

- Dự án chuyển tiếp 2023-2024: Quyết toán dự án hoàn thành;

- Dự án khởi công mới: “Dự án Đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất”:

+ Tổng số các gói thầu thực hiện: 04/04 gói thầu thiết bị, đạt 100% kế hoạch;

+ Tổng giá trị thực hiện đầu tư: 10.148/10.283 (triệu đồng), đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm 2024.

- Việc thanh toán, giải ngân khối lượng hoàn thành được thực hiện kịp thời, đúng tiến độ theo hợp đồng.

Các dự án đầu tư của Công ty đưa vào sử dụng khai thác đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất và thị trường trong và ngoài ngành.

### **3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý điều hành Công ty**

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...vv.

- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành sản xuất, chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2024, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng,... hoàn thành vượt mức chỉ tiêu, yêu cầu đề ra.

Năm 2024, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã triển khai, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện vượt mức kế hoạch SXKD năm 2024, bảo toàn vốn SXKD; đảm bảo việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững.

#### 4. Đánh giá, kết luận

Trong năm 2024, HĐQT Công ty đã chấp hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mặc dù còn nhiều yếu tố tác động gây ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Bộ máy Điều hành Công ty đã nỗ lực để vượt qua khó khăn, hạn chế các ảnh hưởng bất lợi này, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp nên năm 2024 đã đạt được kết quả tốt.

## II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

### 1. Tình hình chung

Năm 2024 được dự báo nhân lực, việc làm, vốn và thị trường; cạnh tranh trong sản xuất tiếp tục gay gắt vẫn là vấn đề thách thức lớn, Công ty phải tiếp tục khắc phục khó khăn, phấn đấu duy trì ổn định sản xuất, giữ vững thị trường từng bước phát triển Công ty theo chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2018 – 2025, tầm nhìn 2035.

### 2. Mục tiêu nhiệm vụ năm 2025

- Doanh thu: 2.000 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 571,233 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 17 tỷ đồng;
- Lao động bình quân theo định mức: 856 người;
- Tiền lương bình quân: 12,451 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức  $\geq 10\%$ ;
- Giá trị các dự án đầu tư: 13,940 tỷ đồng (KH được TKV thông qua tại công văn số 6588/TKV-ĐT ngày 25/11/2024).
- Bảo toàn và phát triển vốn.

### 3. Giải pháp thực hiện:

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, hoàn thiện các quy chế để đảm bảo hoạt động của Công ty bền vững, ổn định, thông suốt và hiệu quả.



Tăng cường giám sát hoạt động của Ban điều hành, tiếp tục đẩy mạnh Cơ giới hóa - Tự động hóa - Tin học hóa đảm bảo tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng đối với hàng hóa và dịch vụ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường và tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường.

Phối hợp với tổ chức Đảng và đoàn thể trong công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện chính sách tiền lương, tiền công phù hợp với năng suất lao động, công bằng trong phân phối thu nhập.

Trên đây là báo cáo công tác quản trị của HĐQT và việc giám sát Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT trong năm 2024. Hội đồng quản trị trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Website: [www.chetaomay.com.vn](http://www.chetaomay.com.vn) (e-copy);
- Cổ đông của Công ty (e-copy);
- Thành viên HĐQT, BKS (e-copy);
- Lưu VT, T.ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tứ**

Số: 840 /BKS-VMC

Cẩm Phả, ngày 12 tháng 3 năm 2025

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN;
- Căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Sau khi soát xét, thẩm định số liệu trên các báo cáo, Ban kiểm soát xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông Công ty kết quả thẩm định như sau:

**1. Kết quả thẩm định về Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.**

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trong báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 đã được kiểm toán với những số liệu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.276.830.496.719	2.292.714.757.592
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		33.973.562
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cc dịch vụ	2.276.830.496.719	2.292.680.784.030
4	Giá vốn hàng bán	2.156.165.741.433	2.133.940.645.687
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.664.755.286	158.740.138.343
6	Doanh thu hoạt động tài chính	120.939.186	234.195.571
7	Chi phí tài chính	13.004.597.040	5.145.596.511
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>13.004.597.040</i>	<i>5.145.596.511</i>
8	Chi phí bán hàng	9.560.854.182	43.748.348.941
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.192.282.101	92.961.520.399
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	15.027.961.149	17.118.868.063
11	Thu nhập khác	578.552.990	389.487.144
12	Chi phí khác	278.056.744	433.570.112

26

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
13	Lợi nhuận khác	300.496.246	(44.082.968)
14	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.328.457.395</b>	<b>17.074.785.095</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.276.962.142	3.882.997.952
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(118.346.376)
17	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>12.051.495.253</b>	<b>13.310.133.519</b>
18	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( đồng/1 CP )</b>	<b>2.566</b>	<b>2.834</b>

## 2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, thẩm định những số liệu trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán được áp dụng cũng như các trình bày về các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, xem xét báo cáo kiểm toán và nội dung thư quản lý của Công ty kiểm toán phát hành.

Ban Kiểm soát có những nhận xét và đánh giá đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được lập đầy đủ theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các quy định của TKV liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày rõ ràng với những số liệu đã được kiểm toán xác nhận. Ban kiểm soát đã kiểm tra, đối chiếu số liệu hạch toán trên các sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh cho thấy BCTC được lập phản ánh trung thực tài sản và nguồn vốn của Công ty tại thời điểm kết thúc năm.

- Rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định số liệu trên BCTC năm 2024 đã được kiểm toán. Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các ước tính và xác định của Công ty khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng.

Với kết quả thẩm tra BCTC đã được kiểm toán phát hành, Ban Kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được phản ánh trung thực, minh bạch và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu báo cáo tài chính năm 2024 được thẩm định như sau:

### 1. Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỲ 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
A	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>538.525.318.762</b>	<b>614.489.166.435</b>
I	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>6.163.529.636</b>	<b>7.620.885.084</b>

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỲ 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	6.163.529.636	7.620.885.084
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>272.821.262.851</b>	<b>363.761.526.909</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	280.797.962.801	371.202.411.498
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.413.651.251	4.343.601.914
3	Phải thu ngắn hạn khác	21.564.030.311	22.107.324.172
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(32.954.381.512)	(33.891.810.675)
<b>III</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>245.015.236.228</b>	<b>234.227.186.860</b>
1	Hàng tồn kho	246.888.523.497	238.557.315.315
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.873.287.269)	(4.330.128.455)
<b>IV</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>14.525.290.047</b>	<b>8.879.567.582</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	2.616.156.226	8.876.830.298
2	Thuế GTGT được khấu trừ	11.332.805.950	2.737.284
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	576.327.871	-
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>147.743.208.017</b>	<b>122.981.997.315</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>128.247.642.817</b>	<b>98.024.921.056</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	128.247.642.817	98.024.921.056
	- Nguyên giá	607.022.291.392	616.390.614.552
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(478.774.648.575)	(518.365.693.496)
2	Tài sản cố định vô hình	-	-
	- Nguyên giá	2.228.444.170	2.228.444.170
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.228.444.170)	(2.228.444.170)
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>19.495.565.200</b>	<b>24.957.076.259</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	19.495.565.200	24.838.729.883
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	118.346.376
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>686.268.526.779</b>	<b>737.471.163.750</b>
<b>C</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>619.693.748.309</b>	<b>668.868.032.871</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>594.416.285.338</b>	<b>651.653.926.471</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	489.250.666.477	561.834.536.614
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.657.583.128	76.484.900
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.614.677.929	4.807.613.291
4	Phải trả người lao động	37.178.193.232	38.588.784.778
5	Chi phí trả trước ngắn hạn	81.078.000	16.439.716
6	Phải trả ngắn hạn khác	615.744.222	382.631.221
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	56.085.324.978	8.851.160.800
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.827.285.753	35.443.667.245
10	Quỹ khe thưởng phúc lợi	1.105.731.619	1.652.607.906

STT	CHỈ TIÊU	SỐ ĐẦU KỲ 01/01/2024	SỐ CUỐI KỲ 31/12/2024
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>25.277.462.971</b>	<b>17.214.106.400</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.246.643.200	17.214.106.400
2	Dự phòng phải trả dài hạn	550.819.771	-
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	1.480.000.000	-
<b>D</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>66.574.778.470</b>	<b>68.603.130.879</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>66.241.370.975</b>	<b>68.603.130.879</b>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	5.480.152.203	6.583.273.841
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.787.708.772	15.046.347.038
	- LNST chưa phân phối năm trước	1.736.213.519	1.736.213.519
	- LNST chưa phân phối kỳ này	12.051.495.253	13.310.133.519
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>333.407.495</b>	<b>-</b>
1	Nguồn kinh phí	333.407.495	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>686.268.526.779</b>	<b>737.471.163.750</b>

### 3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	22	17
	- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	78	83
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	90	91
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	10	9
	- Nợ phải trả/ Vốn CSH	lần	9,36	9,75
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,49	0,58
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,91	0,94
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,76	1,80
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	%	18,19	19,40
<b>5</b>	<b>Vòng quay của vốn</b>			
	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9	9,1
	- Số ngày lưu kho bình quân	Ngày	41,5	40,2
	- Vòng quay các khoản phải thu	vòng	8	6,3
	- Kỳ thu tiền bình quân	ngày	44	58

99-  
FY  
N  
MÁ  
MIN  
QUẢN

22

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
	- Vòng quay các khoản phải trả	vòng	4,4	3,8
	- Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	83	96
	- Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,3	3,1
	- Chu kỳ kinh doanh	Ngày	85	98
	- Vòng quay Vốn lưu động	vòng	4,3	3,7

#### 4. Tình hình phân chia lợi nhuận

Năm 2024, Công ty dự kiến kế hoạch trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 là  $\geq 10\%$ . Việc chi trả cổ tức năm 2024 cho các cổ đông góp vốn, trích lập các quỹ và quỹ thưởng Ban điều hành chỉ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty thông qua Nghị quyết của đại hội thì việc thực hiện phân chia cổ tức và trích lập các quỹ mới có hiệu lực thi hành.

Ban Kiểm soát xin trân trọng được báo cáo Đại hội xem xét, thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Đại hội CĐ thường niên( b/c)
- HĐQT, Ban GD (b/c);
- Các Ủy viên BKS(ecopy;)
- Lưu: BKS, VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Hoàng Mạnh Hùng**



Số: 841 /BKS-VMC

Cám Phá, ngày 12 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Về hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc năm 2024;**  
**Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN đã được sửa đổi bổ sung thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty số 1148/QC-BKS, ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo với Đại hội cổ đông năm 2025 về Báo cáo kết quả giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, giám sát hoạt động quản lý đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2025.

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIÁM SÁT NĂM 2024**

**I. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Giám sát về hoạt động quản lý của HĐQT trong năm 2024**

Thực hiện chức năng quản lý, điều hành Công ty, trong năm 2024, HĐQT Công ty đã ban hành các Nghị quyết, quyết định để thực hiện công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trên các mặt sau:

- Giám sát HĐQT trong việc tổ chức thực hiện các chỉ đạo của TKV, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất của người đại diện;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, của TKV, của đơn vị khi biểu quyết, quyết định, chỉ đạo các vấn đề thuộc chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của HĐQT;
- Giám sát trong việc HĐQT ban hành Nghị quyết các kỳ họp trong năm, các quy chế đã ban hành phù hợp với các quy định của TKV và của pháp luật.
- Giám sát hiệu quả kinh doanh của Công ty dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT.
- Công tác điều hành của HĐQT trong năm 2024 đã hoàn thành tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty theo nguyên tắc đồng thuận, dân chủ, minh bạch;

- Các thành viên HĐQT đã chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo lĩnh vực được phân công đảm bảo đúng Pháp luật. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành đúng thẩm quyền là cơ sở để Ban lãnh đạo điều hành sản xuất và các mặt quản lý tại Công ty;

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 đề ra như Doanh thu, giá trị sản xuất, tổng quỹ tiền lương, lợi nhuận đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức theo kế hoạch. Trong đó các chỉ tiêu gắn với quyền lợi của cổ đông như: Lợi nhuận sau thuế, thu nhập tiền lương bình quân, tỷ lệ chia cổ tức đều đạt và vượt so với kế hoạch, vốn đầu tư của các chủ sở hữu được bảo toàn.

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2024 của HĐQT, Ban Kiểm soát đánh giá từng thành viên HĐQT làm việc cẩn trọng, chắc chắn với tinh thần trách nhiệm cao trước Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty ổn định và bền vững. Tập thể các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty đúng pháp luật và hiệu quả.

## **2. Giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc**

- Ban Giám đốc đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, các Nghị quyết của HĐQT từng kỳ họp để chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện đồng bộ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 và các nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 có hiệu quả.

- Chủ động xây dựng và ban hành nhiều quyết định quan trọng để làm cơ sở điều hành như: Ban hành các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện KHSXKD và kế hoạch quản lý phòng ngừa rủi ro năm 2024; Ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí năm 2024 của các đơn vị trong Công ty và nhiều quyết định, quy định, chỉ thị có liên quan đến hoạt động quản lý, hoạt động sản xuất của Công ty...

- Tiếp tục bằng các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất điều hành Dự án cán thép đạt sản lượng trên 114 ngàn tấn, đáp ứng đủ nhu cầu thép phục vụ các đơn vị khai thác than hầm lò trong toàn Tập đoàn và có nguồn chủ động dự trữ cho quý I năm sau. Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn tăng cường sự phối hợp để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, rà soát tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất theo kế hoạch phối hợp kinh doanh với các đơn vị trong và ngoài ngành để chủ động trong khâu sản xuất; chú trọng công tác thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh như mua sắm vật tư theo nhu cầu của sản xuất, đảm bảo mức tồn kho hợp lý để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; Áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào trong sản xuất để tiết kiệm chi phí sản xuất; Trong đó có giải pháp sử dụng Dầu FO-R thay thế cho dầu FO để nung phôi thép qua đó đã tiết kiệm 11,69 tỷ đồng; Linh hoạt trong việc sử dụng vốn vay ngắn hạn ngân hàng qua đó giảm được chi phí lãi vay/Doanh thu từ 0,571% năm 2023 xuống

3700  
CỘNG  
HỘI  
VIỆT  
NAM



còn 0,224% năm 2024; trong đầu tư xây dựng cơ bản mua sắm theo hình thức chào thầu qua mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo tính minh bạch và tiết kiệm chi phí đầu tư; các khoản chi phí bằng tiền khác như hội nghị, khánh tiết, lễ tân, công tác phí đều đảm bảo chi tiêu theo quy chế chi tiêu nội bộ để nâng cao hiệu quả của sản xuất kinh doanh;

- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm việc làm, chủ động làm việc với các đơn vị trong TKV để thực hiện tốt hợp đồng phối hợp kinh doanh về sửa chữa thiết bị, về chế tạo phụ tùng cơ khí, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty luôn được ổn định;

- Đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành đúng theo các quy định của Chủ sở hữu TKV, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo các quyết định, quy định về quản trị nội bộ đã ban hành, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đảm bảo quyền lợi cao nhất cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- Việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch.

#### 2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – tiêu thụ chủ yếu năm 2024

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
A	B	c	1	2	3
A	<b>SẢN XUẤT</b>				
I	<b>Chế tạo thiết bị</b>		<b>900</b>	<b>850</b>	<b>94,4</b>
	- Thiết bị ngành than	Tấn	700	84,4	12,1
	Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	1.420	23,7
	Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	
	Giá chuyển hướng Toa xe 30-35 T	Toa			
	- Xe gòong 3 tấn	Xe	50	-	
	- Thiết bị theo dự án TKV	Tấn	-		
	- Thiết bị khác	Tấn	200	765,6	383,8
II	<b>Chế tạo &amp; phục hồi phụ tùng</b>		<b>1.100</b>	<b>922</b>	<b>83,8</b>
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	300	367,9	122,6
	- Phụ tùng khác	Tấn	300	333,04	111
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	221,09	44,2
	- Vi chống lò các loại	Tấn	36.000	55.073,54	153
	- Thép cán vì lò	Tấn	90.000	114.555,18	127,3
III	<b>Sửa chữa thiết bị xe máy</b>		<b>55</b>	<b>55</b>	<b>100</b>
	- Các loại máy gạt	Cái	6	3	50
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	5	3	60
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái	5	5	100
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	8	3	37,5
	- Máy khoan thủy lực các loại	Cái	1	2	200
	- Thiết bị khác	Cái	30	39	130
B	<b>TIÊU THỤ</b>				

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH/KH
<b>I</b>	<b>Chế tạo thiết bị</b>		<b>900</b>	<b>843,4</b>	<b>93,7</b>
	- Thiết bị ngành than	Tấn	700	77,8	11,1
	Cột chống thủy lực các loại	Cột	6.000	1.300	21,7
	Máy xúc VMC 500	Máy	2	-	
	- Xe go òng 3 tấn	Xe	50	-	
	- Thiết bị theo dự án TKV	Tấn			
	- Thiết bị khác	Tấn	200	765,6	382,8
<b>II</b>	<b>Chế tạo &amp; phục hồi phụ tùng</b>		<b>1.100</b>	<b>747</b>	<b>68</b>
	- Phụ tùng ngành than	Tấn	300	156,7	52,2
	- Phụ tùng khác	Tấn	300	333,04	111
	- Phục hồi phụ tùng	Tấn	500	257,7	51,6
	- Vì chống lò các loại	Tấn	36.000	54.640,7	151,8
	- Thép cán vì lò bán ra	Tấn	53.500	58.744,1	109,8
<b>III</b>	<b>Sửa chữa thiết bị xe máy</b>		<b>55</b>	<b>55</b>	<b>100</b>
	- Các loại máy gạt	Cái	6	3	50
	- Các loại máy xúc 4,6; 5A...	Cái	5	3	60
	- Máy xúc thủy lực, xúc đá	Cái	5	5	100
	- Máy khoan xoay cầu	Cái	8	3	37,5
	- Máy khoan thủy lực các loại	Cái	1	2	200
	- Thiết bị khác	Cái	30	39	130
<b>IV</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.905.000</b>	<b>2.293.304</b>	<b>120,4</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>15.000</b>	<b>17.074</b>	<b>113,8</b>
<b>VI</b>	<b>Lao động, thu nhập và đơn giá tiền lương</b>				
7.1	Lao động định mức	người	859	857	100
7.2	Tiền lương bq theo lao động định mức	1000đ/ng- tháng	11,117	13,280	119,5
7.3	Chỉ tiêu hướng dẫn đơn giá tiền lương				
	- Sản xuất cơ khí (không bao gồm quỹ lương viên chức)	đ/1000 đ DT	198	212	107
<b>VII</b>	<b>Giá bán sản phẩm</b>				
	- Giá bán bình quân thép cán	đ/tấn	18.190.000	17.418.000	95,8
	- Giá bán bình quân vì lò	đ/tấn	20.230.000	18.936.000	93,60

### 2.2 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2024	TH 2024	Tỷ lệ %
1. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	Tr đ	27.408	24.433	89,1
2. Vay ngắn hạn ngân hàng	Tr đ	105.000	-	-
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	đ	2.554	2.834	111
4. Vòng quay VLĐ	vòng	4,3	3,7	86

### 2.3. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban Giám đốc:

Thông qua việc chỉ đạo công tác điều hành sản xuất kinh doanh và các mặt quản lý của Công ty trong năm 2024, Ban Kiểm soát ghi nhận sự quyết tâm, sự năng động của từng thành viên trong tập thể Ban Giám đốc đã cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất theo nhiệm vụ được phân công trong năm

qua điều hướng tới lợi ích chung của Công ty, của các cổ đông, đảm bảo vai trò định hướng phát triển Công ty luôn ổn định và có sự tăng trưởng trong hoạt động sản xuất. Việc làm, thu nhập của người lao động được đảm bảo, đời sống vật chất tinh thần của người lao động phấn khởi, tự tin, các nghĩa vụ đóng góp với Ngân sách Nhà nước và địa phương đầy đủ. Tập thể các thành viên Ban Giám đốc luôn thể hiện tinh thần đoàn kết vì mục tiêu chung là quản lý, điều hành Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và sản xuất kinh doanh hiệu quả.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024**

Trong năm 2024, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2024 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo nội dung kế hoạch;

- Giám sát công tác điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2024; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong từng kỳ họp đối với hoạt động sản xuất và quản lý tại Công ty; Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh của Công ty với các công ty TKV;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên HĐQT, Ban Giám đốc. Ban kiểm soát giám sát theo nhiệm vụ được phân công đối với các thành viên HĐQT tại các Quyết định số 1457/QĐ-VMC ngày 28/4/2023 về việc Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT; Quyết định số 1550/QĐ-VMC ngày 08/05/2024 về việc ban hành quy định về nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc Công ty.

- Đối với các cán bộ quản lý gồm các Trưởng, Phó phòng ban; Quản đốc, Phó quản đốc các phân xưởng; Giám đốc, phó giám đốc và kế toán trưởng Chi nhánh giám sát theo thực thi nhiệm vụ được lãnh đạo Công ty giao và quy chế quản lý cán bộ do Công ty ban hành.

- Giám sát việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá đúng mức độ hoàn thành kế hoạch của từng tháng để có giải pháp điều hành sản xuất, tiêu thụ sát với điều kiện thực tế của Công ty;

- Giám sát việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê theo chế độ báo cáo. Kiểm tra việc ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh, việc hạch toán kết quả hoạt động SXKD của từng quý trong năm.

- Giám sát việc thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch, việc quyết toán các công trình đầu tư đưa tài sản cố định vào hoạt động, việc thực hiện tiến độ sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên tài sản cố định có trong kế hoạch.

- Giám sát các đơn vị trong Công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; quy chế khoán quản trị chi phí trong nội bộ Công ty; các quyết định về ban hành đối với giá bán thép cán và vì chống lò; Xem xét việc hạch toán giá thành sản phẩm nhập kho đối với hàng chế tạo cột chống thủy lực các loại, chế tạo răng gầu, các loại bánh răng và sửa chữa thiết bị mỏ.

- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, công tác quyết toán các dự án đầu tư đã hoàn thành; tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản theo quy định, việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất; việc quản lý công nợ và tình hình trích lập dự phòng;

- Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế về bán hàng và mua hàng, tình hình cho vay mượn hàng hóa khi chưa hoàn tất các thủ tục bán hàng đối với một số đơn vị để có ý kiến trong công tác quản lý và đôn đốc hoàn thiện thủ tục giao hàng, xuất hóa đơn;

- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, nộp ngân sách với Nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ trong Công ty;

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý tài sản và vốn tại Chi nhánh Công ty theo các quý, việc quản trị chi phí sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty;

- Thực hiện soát xét và thẩm định báo cáo tình hình SXKD, báo cáo tài chính các quý trong năm 2024, lập báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đảm bảo các số liệu được phản ánh tin cậy tình hình sản xuất kinh doanh cũng như thực trạng tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo.

- Tham gia vào việc xây dựng, sửa đổi và ban hành các Quy chế có liên quan đến công tác quản lý điều hành tại Công ty;

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024.

Với thái độ nghiêm túc trong hoạt động kiểm tra, giám sát. Trong năm 2024 Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ giám sát các hoạt động sản xuất, tiêu thụ; Giám sát hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đối với HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành và các cán bộ quản lý theo điều lệ của Công ty; thực hiện các hoạt động kiểm tra giám sát theo kế hoạch kiểm soát đã được xây dựng từ đầu năm 2024; giám sát toàn bộ quá trình quản lý sử dụng vốn và tài sản tại Công ty theo các quy định của pháp luật, của Chủ sở hữu và quy định của Công ty; giám sát công tác hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính từng quý, báo cáo thống kê sản xuất, thống kê ĐTXD cơ bản; các hoạt động kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Công ty; công tác điều hành đối với hàng hóa, vật tư, thành phẩm, bán thành phẩm, sản phẩm dở tồn kho vượt quá chu kỳ sản xuất cần được hoàn thiện để có ý kiến với Ban Lãnh đạo Công ty có hướng giải quyết.

Với các hoạt động của Ban Kiểm soát đã thực hiện trong năm 2024, Ban Kiểm soát khẳng định việc kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, điều hành sản xuất đối với Công ty trong năm 2024 đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật, góp phần vào thành quả chung của Công ty là sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn và hiệu quả.

## 2. Kết quả giám sát thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết năm 2024

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/4/2024. Kết thúc năm tài chính 2024, Công ty đã thực hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	1.905.000	2.293.304	120,4
2. Giá trị sản xuất	Tr.đ	565.949	633.357	111,9
3. Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	114.593	136.549	119,2

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành (%)
4. Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/thg	11,117	13,280	119,5
5. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	15.000	17.074	113,8
6. Lao động định mức	Người	859	857	100
7. Cổ tức	%	≥ 10	≥ 10	100
8. Giá trị các dự án đầu tư	Tr.đ	10.283	10.148	99
9. Hệ số nợ/Vốn CSH	Lần	8,53	9,75	114

### 3. Kiểm soát các mặt hoạt động khác

#### 3.1. Kiểm soát về quản lý và sử dụng vật tư:

Công ty đang thực hiện công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư theo quyết định số 627/QĐ-VMC ngày 03/03/2023 V/v Ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN.

Công ty đã thành lập các tổ thẩm định, tư vấn trong công tác lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa trong lĩnh vực sửa chữa thiết bị, thuê ngoài vận chuyển, thuê gia công sản phẩm, mua sắm vật tư hàng hóa ...theo yêu cầu quản lý của Công ty, phù hợp với quy chế về quản lý và sử dụng vật tư của TKV quy định.

Trong năm 2024 giá trị thực hiện hợp đồng mua vật tư, hàng hóa là 1.916,07 tỷ/2.457,84 tỷ đồng; Trong đó mua trong TKV là 1.691,58 tỷ đồng, chiếm 88,28% tổng giá trị thực hiện hợp đồng mua; Mua ngoài ngành là 224,49 tỷ đồng/281,24 tỷ đồng, chiếm 11,71 % tổng giá trị thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa trong năm 2024.

- Giá trị mua hàng trong TKV có ký hợp đồng: 1.691,58 tỷ đồng trong đó mua: (Phôi thép: 121.324 tấn bằng 1.662,31 tỷ đồng; Nhiên liệu bao gồm Dầu ma zut, Dầu tái sinh; Mỡ máy, dầu nhờn, than cục: 29,27 tỷ đồng).

- Giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng: 222,66 tỷ đồng/224,49 tỷ đồng, chiếm 99,18 % tổng giá trị mua ngoài TKV có hợp đồng ( Gồm mua sắt thép chế tạo, phụ tùng sửa chữa các thiết bị máy móc, hàng hóa vật tư khác...)

- Hình thức thực hiện hợp đồng mua vật tư hàng hóa chủ yếu áp dụng hình thức báo giá cạnh tranh, chào giá rút gọn. Công ty đã thực hiện đúng quy định theo Quy chế quản lý công tác mua sắm vật tư đã ban hành.

- Việc sử dụng dầu FO-R, dầu tái sinh sau sử lý thay cho dầu FO của năm 2024 so với năm 2023 trong hoạt động cán thép đã giúp Công ty tiết kiệm được 7,54 lít/1 tấn sản phẩm thép cán qua đó đã tiết kiệm được chi phí sản xuất về dầu đối với hoạt động sản xuất thép cán là 11,69 tỷ đồng.

#### 3.2. Về công tác sửa chữa lớn:

Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 có giá trị là 17.700 triệu đồng. Đến 31/12/2024 Công ty đã thực hiện 18/20 hạng mục sửa chữa lớn theo kế hoạch. Giá trị sửa chữa lớn thực hiện 15.735,32 triệu đồng/17.700 triệu đồng, bằng 89% so

với KH. Trong đó còn 02 hạng mục sửa chữa là máy tiện đứng hai trụ và trạm biến thế trung gian không thực hiện. Giá trị chi phí sửa chữa lớn phân bổ vào chi phí sản xuất trong năm đảm bảo phù hợp với thời gian sử dụng của tài sản sau sửa chữa lớn.

### 3.3. Về trích lập dự phòng nợ khó đòi, hàng tồn kho:

- Việc trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi, hàng tồn kho kém mất phẩm chất, chậm luân chuyển Công ty thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 đảm bảo đúng chế độ và tỷ lệ trích lập dự phòng.

- Giá trị trích lập dự phòng phải thu công nợ khó đòi trong năm 2024 đã trích là: 937,42 triệu đồng, trong đó trích lập dự phòng phải thu của Công ty Nhiệt điện Sơn động ( do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ trên số nợ phải thu có gốc ngoại tệ);

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho thành phẩm do ứ đọng, kém phẩm chất khó tiêu thụ đã trích lập 2.544,2 triệu đồng;

- Dự phòng bảo hành sản phẩm đã trích theo các hợp đồng bán hàng có quy định bảo hành với các đơn vị trong TKV là: 31,61 tỷ đồng.

### 3.4. Về thực hiện đầu tư năm 2024:

- Các công trình ĐTXD năm 2024 theo Thông báo điều chỉnh kế hoạch số 6522/TKV-ĐT ngày 22/11/2024 của TKV, theo đó KH đầu tư năm 2024 bao gồm:

Tổng số: 10.283 triệu đồng, trong đó:

- Dự án ĐT đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất năm 2024: 10.157 triệu đồng;
- Dự án chuyển tiếp ĐTDT PTSX năm 2023-2024 : 126 triệu đồng

### Kết quả thực hiện các dự án đầu tư năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Thông báo 6522/TKV- ĐT ngày 22/11/2024	Thực hiện đến 31/12/2024	Tỷ lệ %TH/ KH
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.283</b>	<b>10.147,59</b>	<b>99</b>
<b>B</b>	<b>Kế hoạch năm 2024</b>	<b>10.283</b>	<b>10.147,59</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>126</b>	<b>125,31</b>	
<b>1</b>	<b>Dự án đầu tư duy trì phát triển sản xuất 2023-2024</b>	<b>126</b>	<b>125,31</b>	
	Chi phí lập BCKT-KT, HSMT, đánh giá HSDT	65	64,24	
	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán	61	61,07	
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>10.157</b>	<b>10.022,28</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất</b>	<b>10.157</b>	<b>10.022,28</b>	
<b>1</b>	Chi phí tư vấn (lập DA, lập HSMT, đánh giá HSDT)	82	60,10	
<b>2</b>	Lệ phí trước bạ xe ô tô	88	43,42	
<b>3</b>	Máy cắt laser CNC công suất $\geq 6$ kW	2.393	2.437,60	
<b>4</b>	Thiết bị nhiệt luyện bề mặt, công suất $\geq 160$ kW	1.188	1.134,00	

TT	Tên công trình	Thông báo 6522/TKV- ĐT ngày 22/11/2024	Thực hiện đến 31/12/2024	Tỷ lệ %TH/ KH
5	Máy quang phổ phân tích thành phần vật liệu	1.134	1.074,60	
6	Xe ô tô gắn cầu 12 tấn	4.343	4.342,68	
7	Xe nâng 5 tấn	929	929,88	

### 3.5. Nhận xét chung về công tác đầu tư năm 2024:

- Công ty triển khai thực hiện về đầu tư theo đúng kế hoạch đã được điều chỉnh theo Thông báo số 6552 ngày 22/11/2024 của TKV.

- Việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và phê duyệt đối với từng dự án đã được cân nhắc và quyết định trên cơ sở bổ sung năng lực thiết bị cho sản xuất. Việc chuyển bước từ kế hoạch chuẩn bị dự án, dự phòng lên kế hoạch chính thức thi công đều được báo cáo TKV cụ thể và làm theo đúng quy định.

- Các gói thầu của các dự án đầu tư đều áp dụng hình thức: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, hình thức hợp đồng trọn gói.

- Đối với công tác quản lý Dự án ĐTXD tại Công ty đều tuân thủ theo các quy định bắt buộc của pháp luật. Để thực hiện hoàn tất một dự án ĐTXD tức là tư khâu lập Luận chứng KT-KT đến khâu cuối cùng là khâu Quyết định tăng TSCĐ phải trải qua 30 bước (gồm: Báo cáo LCKT-KT của dự án; Quyết định về việc phê duyệt BCKT-KT của dự án; Dự toán được duyệt của dự án; Quyết định thành lập tổ tư vấn HSDT/HSDX; Quyết định thành lập tổ thẩm định HSDT/HSDX; Văn bản trình duyệt HSMT/HSYC; Thẩm định KHLCNT; .....). Qua kiểm tra hồ sơ của từng gói thầu thành phần thuộc Dự án đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất thực hiện trong năm 2024, Công ty đã chấp hành tuân thủ đúng trình tự 30 bước bắt buộc để kết thúc quá trình đầu tư đối với mỗi dự án hoàn thành. Dự án đang trong quá trình kiểm toán, chưa được phê duyệt quyết toán theo quy định.

### 4. Kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng bán hàng năm 2024

- Tổng giá trị hợp đồng ký đến thời điểm 31/12/2024 là: 2.285,09 tỷ đồng; Trong đó giá trị hợp đồng đã ký trong năm 2024 là 2.204,8 tỷ đồng; đã thực hiện trong năm 2024 là 2.258,04 tỷ đồng, giá trị hợp đồng do các đơn vị tiết giảm đặt hàng là 9,5 tỷ đồng; còn lại chuyển sang thực hiện năm 2025 là 17,54 tỷ đồng (Trong đó các đơn vị trong TKV: 3,84 tỷ đồng; các đơn vị ngoài TKV gồm Thép Việt Ý – Hải phòng: 13,70 tỷ đồng).

- Do thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh với TKV được thuận lợi nên doanh thu bán hàng cho các đơn vị trong ngành than chiếm 98,3% tổng số doanh thu bán hàng trong năm 2024 của Công ty. Việc thu tiền hàng trong năm đối với các đơn vị trong TKV thuận lợi do Tập đoàn đồng ý thanh toán bù trừ công nợ giữa các đơn vị trong nội bộ ngành Than với nhau. Việc đó đã giúp Công ty không bị áp lực về tài chính, giảm dư nợ vay ngắn hạn về bằng không, chi phí lãi vay ngân hàng năm 2024 chỉ bằng 39,6% so với cùng kỳ năm 2023.

### 5. Kiểm soát về quỹ tiền lương, tiền thưởng.

### **5.1. Quản lý quỹ tiền lương và phân phối thu nhập:**

Quỹ lương thực hiện năm 2024 theo đơn giá được quyết toán là 212 đ/1000 đ GTSX. Tổng quỹ lương thực hiện 136.549 tr đồng; trong đó quỹ lương của người quản lý là 2.735 tr đồng. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 13,28 trđ/ng/tháng, tăng 19,5% so với kế hoạch. Tiền lương đã được Công ty trả đầy đủ, chính xác vào sổ lương của cá nhân người lao động theo từng tháng trong năm.

### **5.2. Quản lý quỹ khen thưởng**

Quỹ khen thưởng trong năm được trích là 4.241,31 tr đồng đã chi cho các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm và chi cho các hoạt động khác là: 3.601,34 triệu đồng. Đến 31/12/2024 quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành dư 1.652,07 triệu đồng. Trong đó quỹ khen thưởng còn dư 713,82 triệu đồng;

Việc sử dụng quỹ khen thưởng để chi cho các hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện theo Quyết định số 2615/QĐ-VMC ngày 06/09/2022 V/v Ban hành Quy chế quản lý quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

## **III. ĐÁNH GIÁ**

### **1. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban Giám đốc điều hành.**

Hoạt động của Ban Kiểm soát đã tuân thủ đúng chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và hiệu quả.

- Giúp HĐQT đánh giá hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý trên các mặt để lập báo cáo Chủ sở hữu về việc chấp hành pháp luật, tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu theo từng quý;

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công trong Ban Giám đốc, Ban kiểm soát đã phối hợp với từng đồng chí trong ban Ban Giám đốc theo lĩnh vực được phân công để trao đổi công việc có liên quan đến sản xuất, tiêu thụ; trong quản lý đầu tư mua sắm tài sản; trong công tác tìm kiếm thị trường và quản trị chi phí; trong việc quản lý vốn và tài sản nói chung tại Công ty để có các ý kiến, kiến nghị với từng cấp quản lý với phương châm thận trọng, chính xác, hiệu quả.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Những lưu ý, kiến nghị của Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc ghi nhận về công tác chuyên môn trong công tác quản lý đối với hoạt động sản xuất, hoạt động quản lý tại Công ty. Trong năm 2024 Ban Kiểm soát chưa nhận được bất cứ ý kiến phản hồi cũng như đơn thư tố cáo, khiếu nại của các cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban



Giám đốc, Ban Kiểm soát trong việc quản lý và điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát tuy đã có nhiều cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ với tinh thần và trách nhiệm cao nhất vì sự ổn định của Công ty và vì quyền lợi của các cổ đông. Tuy nhiên việc triển khai theo kế hoạch kiểm soát đã xây dựng từ đầu năm vẫn còn một số nội dung chưa được tập trung nhiều như: Kiểm soát việc sử dụng vật tư tại các phân xưởng sản xuất; Kiểm soát hoạt động có liên quan đến lĩnh vực dịch vụ thuê ngoài như vận chuyển, sửa chữa thường xuyên thuê ngoài và nội bộ; Kiểm soát việc phân phối thu nhập từ kết quả sản xuất đối với một số đơn vị sản xuất trong Công ty...

## **3. Biện pháp khắc phục**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Tập trung kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm, kiểm tra theo chuyên đề. Tăng cường kiểm tra giám sát trước và trong quá trình tổ chức thực hiện tại các đơn vị được kiểm tra.

- Nâng cao năng lực và phát huy vai trò của kiểm soát ở mức cao nhất, nỗ lực hơn nữa trong việc tiếp nhận thông tin, tăng cường giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý. Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự đóng góp của quý vị cổ đông, của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng chức năng trong Công ty để giúp Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao.


## **PHẦN THỨ HAI**

### **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025**

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông thực hiện giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Định kỳ hàng quý thẩm tra tính trung thực số liệu của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Tham mưu với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng tài sản nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo chương trình kế hoạch kiểm soát đã lập nhằm ngăn chặn hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động quản lý.

- Thực hiện kiểm soát định kỳ hàng quý, đột xuất theo kế hoạch công tác số 485/BKS-VMC ngày 11/02/2025. 

9-C  
Y  
N  
MÁ  
TIN  
QUANG

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2024; Báo cáo về hoạt động quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc năm 2024; Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2024 và Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông dự đại hội;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: Ban KS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Hoàng Mạnh Hùng**



Số: 842 /BKS-VMC

Cầm Phả, ngày 12 tháng 03 năm 2025

## TỜ TRÌNH

### Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15/11/2023 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN.

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty xem xét lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty trong số những đơn vị được đề xuất như sau:

#### I. Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được đề xuất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.

##### 1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trụ sở tại Tầng 12A, Tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

##### 2. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

Trụ sở Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

##### 3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Chi nhánh Quảng Ninh: Số 8 Chu Văn An, thành phố Hạ Long.

#### II. Ý kiến của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đánh giá các Công ty kiểm toán theo danh sách đề xuất ở trên là những Công ty kiểm toán độc lập có uy tín và năng lực để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính đối với các Công ty đại chúng có cổ phiếu đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.

Các Công ty được lựa chọn theo đề xuất của Ban Kiểm soát đã được Bộ Tài chính phê duyệt là một trong số 31 Doanh nghiệp Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025 theo Quyết định số 2730/QĐ-BTC ngày 15/11/2024. ✓



Vì vậy Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận theo danh sách đề xuất của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán theo đề xuất như trên để kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- HĐQT, Ban GD (e-copy, b/c);
- Các cổ đông;
- Các Ủy viên BKS (e-copy);
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Hoàng Mạnh Hùng**



Số: 843 /TTr-VMC

Cám Phả, ngày 12 tháng 3 năm 2025

## TỜ TRÌNH

Về việc xin duyệt Phương án chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận  
sau thuế TNDN năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-VMC ngày 05/4/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc ban hành “Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN”;

Hội đồng quản trị Công ty kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt phương án chi trả cổ tức, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024, như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	13.310.133.519 đồng.
2. Trả cổ tức 10%/năm/Vốn điều lệ:	4.697.351.000 đồng.
3. Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức:	8.612.782.519 đồng.
3.1. Trích Quỹ đầu tư phát triển 15%:	1.291.917.378 đồng.
3.2. Trích Quỹ thưởng Người quản lý Công ty bằng 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý năm 2024:	341.925.000 đồng.
3.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 0,61 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2024:	6.978.940.141 đồng.
Trong đó: - Quỹ khen thưởng (70%):	4.885.258.099 đồng;
- Quỹ phúc lợi (30%):	2.093.682.042 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Chế tạo máy – VINACOMIN xem xét thông qua./.

### Nơi nhận:

- Website: www.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS, BGD (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *kep*



Nguyễn Văn Tú

Số: 844/TTr-VMC

Cám Phá, ngày 12 tháng 3 năm 2025

## TỜ TRÌNH

### Về việc thực hiện tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của Người quản lý Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN ngày 25/4/2024;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua phân phối thù lao năm 2024 và kế hoạch thù lao 2025 của Người quản lý Công ty như sau:

#### 1. Thực hiện năm 2024

##### 1.1. Tiền lương của Người quản lý Công ty.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	KH năm 2024 (đồng/năm)	TH năm 2024 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	444.600.000	533.520.000
2	Lê Viết Sự	Phó Giám đốc	394.200.000	473.040.000
3	Tăng Bá Khang	Phó Giám đốc	394.200.000	473.040.000
4	Phạm Thu Hương	TV HĐQT	394.200.000	473.040.000
5	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	412.200.000	494.640.000
6	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	Kế toán trưởng	240.000.000	288.000.000
	<b>Tổng</b>		<b>2.279.400.000</b>	<b>2.735.280.000</b>

Trong đó, tiền lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	KH năm 2024 (đồng/năm)	TH năm 2024 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Hoàng Mạnh Hùng	01	412.200.000	494.640.000
	<b>Tổng</b>		<b>412.200.000</b>	<b>494.640.000</b>



24

Hình thức chi: VMC chi trả trực tiếp.

1.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên Ban kiểm soát Công ty kiêm nhiệm:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số tháng	KH năm 2024 (đồng/năm)	TH năm 2024 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Nguyễn Văn Tứ (CT HĐQT)	12	61.680.000	61.680.000
	Thành viên HĐQT			
2	Phạm Minh Tuấn (GD kiêm HĐQT)	12	59.280.000	59.280.000
4	Lê Viết Sự	12	52.560.000	52.560.000
5	Bùi Xuân Hạnh	12	52.560.000	52.560.000
6	Thành viên BKS (02 người)	12	105.120.000	105.120.000
	<b>Cộng</b>		<b>331.200.000</b>	<b>331.200.000</b>

Phương thức chi trả:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

## 2. Kế hoạch năm 2025:

2.1. Tiền lương của Người quản lý Công ty:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Chức vụ	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	Tiền lương năm (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc	37.050.000	444.600.000
2	Phạm Thu Hương	TV HĐQT C.trách	32.850.000	394.200.000
3	Trần Ngọc Thắng	Phó Giám đốc	32.850.000	394.200.000
4	Phạm Thanh Tùng	Phó Giám đốc	32.850.000	394.200.000
5	Khuyết 1 PGĐ	Phó Giám đốc	32.850.000	394.200.000
6	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng BKS	34.350.000	412.200.000
7	Nguyễn Thị Hồng Thịnh	Kế toán trưởng	30.000.000	360.000.000
	<b>Tổng:</b>		<b>232.800.000</b>	<b>2.793.600.000</b>

## 2.1. Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Số người	Tiền lương tháng (đồng/tháng)	Tiền lương năm (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
1	Hoàng Mạnh Hùng	01	34.350.000	412.200.000
	<b>Tổng</b>			<b>412.000.000</b>

## 2.2. Thù lao của Thành viên HĐQT; Thành viên BKS kiêm nhiệm:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức Danh	Tiền lương tháng	Số người	tỷ lệ	Tiền thù lao tháng (đồng/th)	Tổng tiền thù lao KH năm 2023 (đồng/năm)
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chủ tịch HĐQT	25.700.000	1	20%	5.140.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT					
	GD kiêm TV HĐQT	24.700.000	1	20%	4.940.000	59.280.000
	TV HĐQT (chuyên trách)	21.900.000	1			
	TV HĐQT (kiêm nhiệm)	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000
3	Thành viên BKS	21.900.000	2	20%	4.380.000	105.120.000
	<b>Cộng</b>		<b>7</b>			<b>331.200.000</b>

## 3. Phương thức chi trả:

Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

VMC chi trả trực tiếp thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VMC.

Hàng tháng các thành viên HĐQT và BKS làm công tác kiêm nhiệm tại Công ty được thanh toán 80% mức thù lao cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Website: WWW.chetaomay.com.vn (e-copy);
- Các cổ đông của Công ty (e-copy);
- HĐQT, BKS (e-copy);
- BGĐ, KTT (e-copy);
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tứ**